Chương III
CỦNG CỐ VÀ PHÁT TRIỂN LỰC LƯỢNG, CHỐNG CHIẾN LƯỢC "CHIẾN TRANH ĐẶC BIỆT" CỦA ĐẾ QUỐC MỸ (1954 -1965)

I- CỦNG CỐ LỰC LƯỢNG, ĐẤU TRANH ĐÒI THI HÀNH HIỆP ĐỊNH (1954-1959)

Ngày 20-7-1954, Hiệp định Giơnevơ ký kết, chấm dứt 9 năm kháng chiến chống thực dân Pháp của dân tộc ta. Độc lập chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của ba nước Đông Dương đã được công nhận. Tuy nhiên theo điều khoản của Hiệp định, đất nước ta vẫn tạm thời phải chia cắt thành hai miền với hai nhiệm vụ chiến lược khác nhau: Miền Bắc bước vào thời kỳ quá độ đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội. Miền Nam tiếp tục thực hiện cách mạng dân tộc dân chủ, tiến tới giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Với ý đồ xâm chiếm miền Nam, khi quân Pháp còn chưa rút quân khỏi Đông Dương, từ tháng 6-1954, đế quốc Mỹ đã âm mưu gạt Bảo Đại, đưa Ngô Đình Diệm từ Mỹ về làm thủ tướng chính phủ bù nhìn thân Mỹ ở miền Nam Việt Nam. Dưới sự chỉ đạo và trực tiếp viện trợ, huấn luyện lực lượng của Mỹ, chính quyền Sài Gòn đã tiến hành hàng loạt các biện pháp chính trị, quân sự, kinh tế để đàn áp phong trào cách mạng của nhân dân miền Nam.

Ở Gia Lai, sau khi đối phương tiếp quản xong (30-8-1954), Mỹ - Diệm thi hành các chính sách để nắm dân, kiểm soát vùng đô thị, vùng người Kinh, các đồn điền và vùng đồng bào dân tộc; tăng cường bắt lính, đôn quân, củng cố đồn bốt ở các vùng trọng yếu, các trục giao thông chiến lược; tăng cường càn quét, đánh phá vùng căn cứ, khủng bố nhân dân; cướp đất trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số để lập dinh điền khai thác nguồn đất đai màu mỡ vùng Tây Nguyên.

Về chính trị, địch ra sức củng cố hệ thống chính quyền cũ từ quận lỵ xuống xã thôn với đội ngũ tay sai thân Mỹ; đẩy mạnh các hoạt động tề điệp, các tổ chức chính trị phản động như Đảng cần lao nhân vị, Phong trào cách mạng quốc gia, Thanh niên, thanh nữ cộng hòa, Phụ nữ liên đới...nhằm đàn áp phong trào cách mạng của quần chúng tiêu diệt cơ sở và lực lượng cách mạng.

Ở vùng tây đường 14 (có địa bàn huyện Đức Cơ ngày nay), địch tăng cường bắt lính, phát triển ngụy quân, ngụy quyền, bảo an, dân vệ; đóng thêm các cứ điểm, đồn bốt ở các vùng trọng yếu, dọc biên giới Việt Nam - Campuchia và trên trục giao thông chiến lược 19, xây dựng sân bay quân sự, củng cố và mở rộng đường chiến lược 19 nối dài, tiến hành càn quét đánh phá vùng nông thôn đồng bào dân tộc, vùng căn cứ của ta, tố cộng diệt cộng, đàn áp phong trào cách mạng của quần chúng.

Để phát triển kinh tế, Ngô Đình Diệm thực hiện chính sách cướp đất lập dinh điền, với âm mưu xây dựng dinh điền thành pháo đài chính trị, quân sự và kinh tế. Tại vùng Đức cơ ngày nay, địch lập các dinh điền Lệ Kim - Ia Pi (xã B9, nay là xã Ia Dơk), Đức Khánh (B9, nay là xã Ia Dơk), Đức Hưng (xã B10, nay là xã Ia Dom, khi đó thuộc huyện 4) và Lệ Phong 1 (E3), Lệ Phong 2 (Đức Vinh -

E2), Đức Nghiệp (E2), Thăng Đức 1 (E1), Thăng Đức 2 (Giáo Trạch, E1) và Thanh Giáo (huyện 5).

Vùng Đức Cơ trong thời kỳ thực dân Pháp thuộc địa bàn huyện Chư Ty. Dưới thời kỳ Mỹ-ngụy, ngày 22-12-1959, Chính quyền Sài Gòn chia tỉnh Pleiku thành 3 quận: Lệ Trung, Lệ Thanh và Phú Nhơn, dưới sự điều hành của quận trưởng Lưu Văn Trí. Địa bàn Đức Cơ lúc này thuộc quận Lệ Thanh.

Trên địa bàn Đức Cơ, địch đóng hàng loạt các đồn như đồn Bang (tại cửa khẩu Đức Cơ, thuộc xã Ia Dom ngày nay), đồn biên phòng Kriêng (xã Ia Pnôn), đồn Lệ Thanh...Hoạt động của binh lính ở các đồn chủ yếu là kiểm soát khu vực quanh các dinh điền và các vùng dọc biên giới. Binh lính đồn Bang, ngoài việc kiểm soát dọc vùng biên giới, còn phối hợp với lính ở đồn Lệ Thanh đi càn quét vào hậu cứ của ta.

Về phía ta, ngay khi ký kết Hiệp định, Trung ương Đảng đã nhận rõ âm mưu thủ đoạn mới của đế quốc Mỹ và bọn phản động tay sai ở miền Nam. Tại Hội nghị lần thứ sáu Ban chấp hành Trung ương Đảng (khóa II) từ ngày 15 đến ngày 17-7-1954), trên cơ sở đánh giá bản chất của đế quốc Mỹ, Trung ương Đảng đã nhận định: "*Đế quốc Mỹ là kẻ thù chính của nhân dân yêu chuộng hòa bình thế giới, và hiện đang trở thành kẻ thù chính trực tiếp của nhân dân Đông Dương*"[1]. Cuộc đấu tranh của nhân dân ta sẽ có nhiều khó khăn, thử thách khi bước vào giai đoạn mới, chống kẻ thù mới. Nhiệm vụ trước mắt của toàn Đảng, toàn quân dân lúc này là xây dựng, củng cố lực lượng, tập hợp quần chúng, phát huy sức mạnh đoàn kết toàn dân trong cuộc đấu tranh chống đế quốc Mỹ xâm lược, quyết tâm giành lại nền độc lập, tự do cho nước nhà.

Ngày 22-7-1954, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra lời kêu gọi động viên nhân dân miền Nam cùng nhân dân cả nước tiến hành cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước để thực hiện mục tiêu giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Lời kêu gọi nêu rõ: "*Đồng bào miền Nam kháng chiến trước hết, giác ngộ rất cao. Tôi chắc rằng đồng bào sẽ đặt lợi ích cả nước trên lợi ích địa phương, lợi ích lâu dài trên lợi ích trước mắt, mà ra sức cùng đồng bào toàn quốc phấn đấu để củng cố hòa bình, thực hiện thống nhất, hoàn thành độc lập, dân chủ trong toàn quốc...*"[2].

Tháng 9-1954, trước tình hình cách mạng miền Nam, Bộ Chính trị Trung ương Đảng ra Nghị quyết nêu rõ: *Đế quốc Mỹ và tay sai đang mưu tính, phá hoại Hiệp định Giơnevơ nhằm chia cắt lâu dài Việt Nam*. Cuộc đấu tranh của nhân dân miền Nam phải chuyển từ đấu tranh vũ trang sang đấu tranh chính trị. Nhiệm vụ của Đảng ở miền Nam trong giai đoạn mới là: "*lãnh đạo nhân dân miền Nam đấu tranh thực hiện Hiệp định đình chiến, củng cố hòa bình, thực hiện tự do dân chủ,... cải thiện dân sinh, thực hiện thống nhất và tranh thủ độc lập. Đồng thời phải lãnh đạo nhân dân đấu tranh chống những hành động khủng bố, đàn áp, phá cơ sở của ta, bắt bớ cán bộ ta và quần chúng cách mạng, chống những hành động tiến công của địch, ngụy, giữ lấy quyền lợi quần chúng*

[1]Đảng cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, t 15, tr.225.
[2]Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb .Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t.7, tr 322.

đã giành được trong thời kỳ kháng chiến, nhất là ở những vùng căn cứ địa và vùng du kích cũ của ta"[3].

Hưởng ứng chủ trương của Đảng và lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhân dân miền Nam tiếp tục bước vào cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ và tay sai dưới sự lãnh đạo của Đảng để thực hiện mục tiêu giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Ở Khu V, ngày 30-9-1954, Thường vụ Liên Khu ủy V đã ra Chỉ thị sơ bộ về phương hướng công tác của Gia Lai, đánh giá khó khăn, thuận lợi, đề ra nhiệm vụ trước mắt của tỉnh: *Chuyển hướng công tác cho thích hợp với tình hình mới, giáo dục cán bộ, đảng viên thấu suốt nhiệm vụ phương châm của Đảng, sắp xếp cán bộ, tổ chức quần chúng phát triển cơ sở. Đoàn kết rộng rãi các tầng lớp nhân dân các dân tộc, lãnh đạo nhân dân ổn định đời sống và đấu tranh đòi cải thiện đời sống, tự do dân chủ...*

Ngày 18-10-1954, Liên khu ủy V tổ chức hội nghị phân tích tình hình đặc điểm trong toàn khu, quán triệt chủ trương của Trung ương về giữ gìn lực lượng cách mạng, củng cố tổ chức đảng, cơ sở cách mạng trong nhân dân và quyết định chia Liên khu V thành 4 Liên tỉnh để chỉ đạo hoạt động. Tỉnh Gia Lai, Kon Tum và Đăk Lăk thuộc Liên tỉnh 4, do Liên tỉnh ủy 4 lãnh đạo.

Kết thúc cuộc kháng chiến chống Pháp năm 1954, tỉnh Gia - Kon được tách ra thành hai tỉnh Gia Lai và Kon Tum. Tháng 9-1954, Liên khu ủy V chỉ định Tỉnh ủy Gia Lai gồm 5 đồng chí: Trương An, Bí thư; Võ Trung Thành (Năm Vinh), Phó bí thư; các đồng chí Phạm Chánh (Sáu Thân), Đỗ Hằng (Hà), Siu Nang (Siu Tám) là Tỉnh ủy viên.

Tỉnh ủy Gia Lai phân địa bàn thành 9 khu (tương đương huyện). Từ huyện 1 đến huyện 7 là vùng nông thôn đồng bào dân tộc thiểu số. Huyện 8 là thị trấn và vùng Kinh An Khê. Khu 9 bao gồm vùng nội thị thị xã Pleiku, các đồn điền Biển Hồ, Bàu Cạn, Đak Đoa và vùng người Kinh phụ cận, vùng các làng đồng bào dân tộc thiểu số ven thị xã.

Huyện Đức Cơ ngày nay thuộc một phần địa bàn huyện 4, gồm có các xã B8 (nay là xã Ia Krêl), B9 (xã Ia Dơk), B10 (xã Ia Dom), một phần B11 (xã Ia Chía) huyện Ia Grai và một phần địa bàn huyện 5, gồm các xã E1 (nay là xã Ia Pnôn và Ia Nan), E2 (Ia Kriêng), E3 (Ia Lang, Ia Din) huyện Chư Prông. Hai huyện 4 và 5 là địa bàn hoạt động của đội công tác 101, 102, 103, sau sáp nhập thành Đoàn vũ trang xây dựng 112, 118 và thuộc vùng phía tây đường 14 trong thời kỳ chống Pháp.

Sau năm 1954, các làng thuộc địa bàn các xã như sau:

Xã B8 (Ia Krêl) gồm các làng Neh, Krêl, Ngol Grong...

Xã B9 (Ia Dơk) gồm các làng Rach Lang, Dơk Klah, Dơk Sung, Dơk Klut, Dơk Ngol...

Xã B10 (Ia Dom) gồm các làng Mok Đeng, Mok Trêl, Mok Trang...

---

[3]Văn kiện Đảng toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, t 15, tr. 308.

Xã B11 (Ia Kla và xã Ia Chía, huyện Ia Grai) sau năm 1954 có các làng Sung Le, Sung Kép, Sung Tung, Sung Kăt, Sung Tol, Pia Ngõ, Chan...

Xã E1 (Ia Pnôn, Ia Nan) có các làng Bua (Boa), Mnú (Bnú), Ba, Tung, Ga, Lao Sing, Chiăng, Djrao Chan, Sơn...

Xã E2 (Ia Kriêng) gồm các làng Ốp, Muk, Hrang, Lung, Pnuk, Grôn, Yit...

Xã E3 (Ia Lang và Ia Din) có các làng: Ngol Le 1, Le 2, Kluh, Gào, Kênh, Bàng, Mui, Yit Yeh, Yit Phang, Yit Prông, Yit Tũ...

Từ sau Hiệp định Giơnevơ 1954, để phù hợp với tình hình của cuộc kháng chiến, Đảng ta kịp thời chuyển hướng đấu tranh và tổ chức chỉ đạo, đề ra phương châm chung: "*Bảo tồn cơ sở, tích lũy lực lượng, trường kỳ tồn tại, nắm vững ngọn cờ hòa bình, thống nhất, vững bước đưa phong trào tiến lên*". Trên cơ sở phương châm chung đã qui định các phương châm cụ thể:

-Về tổ chức: *Tinh giản, vững mạnh, nghiêm mật, trọng chất lượng*.

-Về đấu tranh: *Kết hợp đấu tranh hợp pháp, nửa hợp pháp với không hợp pháp, lấy hợp pháp và nửa hợp pháp là chính, đấu tranh có lý, có lợi, đúng mức*.

-Về hoạt động: *Khéo công tác, khéo che giấu lực lượng*.

Các phương châm công tác là: *Kiên nhẫn, thận trọng, chắc chắn*. Trong vùng đồng bào dân tộc, thực hiện chính sách: *Đoàn kết, bình đẳng, tương trợ*.

Thực hiện chủ trương của Đảng và Liên khu ủy V, cuối tháng 10-1954, Tỉnh ủy Gia Lai tổ chức Hội nghị cán bộ tại Tàlôk (Vĩnh Thạnh, Bình Định) quán triệt Chỉ thị của Liên khu ủy V, nhiệm vụ công tác trước mắt, phương châm chung, phương châm cụ thể và phương pháp đấu tranh trong cán bộ, đảng viên; tiến hành phân chia địa bàn, sắp xếp tổ chức, bố trí cán bộ ở lại hoạt động gây dựng cơ sở và lãnh đạo phong trào địa phương.

Tỉnh ủy lựa chọn 132 cán bộ quân dân chính, sau bổ sung thêm 2 cán bộ hợp pháp, trong số này có 5 cán bộ Tỉnh ủy, khoảng 40 ủy viên Ban cán sự các huyện, còn lại là cán bộ xã. Cán bộ được lựa chọn ở lại là những đồng chí am hiểu phong tục và biết tiếng địa phương, có sức khỏe, có kinh nghiệm hoạt động trong vùng địch và vùng đồng bào dân tộc thiểu số từ trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp.

Ngày 15-9-1954, Tỉnh ủy chỉ định Ban cán sự Đảng các huyện, mỗi Ban cán sự có từ 3 đến 5 ủy viên, mỗi huyện từ 5 đến 20 cán bộ phụ trách cơ sở. Đến năm 1955, mỗi Ban cán sự được bổ sung thêm đủ 5 đồng chí.

Cán bộ bố trí ở lại huyện 4 có 14 đồng chí [4]. Ban cán sự Đảng huyện 4 gồm các đồng chí: Đào Đức Linh (Vi), Phạm Đạm (Võ, Nghĩa) và Đinh Non (Pran). Đồng chí Đào Đức Linh (Vi), làm Bí thư. Đến năm 1955, Tỉnh ủy bổ sung thêm hai ủy viên là đồng chí Nguyễn Long (Thứ) và Võ Đệ (Hồng) vào Ban cán sự Đảng huyện 4.

---

[4] Đào Đức Linh (Vi), Phạm Đạm (Võ, Nghĩa), Đinh Non (Pran), Võ Đệ (Hồng), Nguyễn Long (Thứ), Đặng Minh Châu (Xiêng), Đặng Xuân Quang (Ak), Đặng Công Kha (Chí), Hồ Trọng Sửu (Tầm), Đoàn Trị (Lợi), Bùi Tùng (Yút), Trần Xạc (Đí), Nguyễn Hải (Ba), Võ Chiếu (Hiến).

Ở huyện 5, số cán bộ ở lại là 13 đồng chí [5]. Ban cán sự Đảng huyện 5 gồm các đồng chí Siu Nang (Siu Tám), Tỉnh ủy viên làm Bí thư; đồng chí Trịnh Quang Ngọc (Tường), Ngô Thành (Chinh), Nguyễn Thành (Ui), Huỳnh Thăng (Hưnh, Hinh) làm Ủy viên. Tháng 9-1955, đồng chí Trịnh Quang Ngọc được cử làm Bí thư thay đồng chí Siu Nang rút về tỉnh.

Sau khi học tập Nghị quyết, sắp xếp xong tổ chức, Tỉnh ủy và tất cả cán bộ các huyện đều chuyển lên địa bàn hoạt động.

Bước vào thời kỳ chống Mỹ, phong trào cách mạng ở địa phương gặp nhiều khó khăn, từ chỗ có chính quyền, có quân đội, nay chuyển sang hoạt động bí mật, đấu tranh hợp pháp, nên trong việc vận dụng phương châm đấu tranh và phương pháp công tác còn lúng túng.

Để tiện cho chỉ đạo phong trào, Ban cán sự hai huyện 4 và 5 triển khai nhiệm vụ bám đất, bám dân, phát triển cơ sở dọc trục giao thông phía tây đường 14, vùng còn trắng cơ sở, lãnh đạo phong trào quần chúng đấu tranh, giữ gìn lực lượng.

Huyện 4 (có một phần huyện Đức Cơ ngày nay), nằm về phía tây đường 14, địa hình rất rộng, Ban cán sự Đảng huyện 4 phân chia địa bàn thành ba vùng (vùng I, vùng II, vùng II) và phân công cán bộ, đảng viên trực tiếp phụ trách từng vùng để gây dựng cơ sở và lãnh đạo phong trào địa phương. Các xã của huyện 4 có mật danh là B.

Vùng I gồm các xã B5, B6, B7[6] và vùng phụ cận thị xã Pleiku (B15, nay là xã Ia Dêr) thuộc huyện Ia Grai.

Vùng II gồm các xã B8, B9, B10, B11 (nay thuộc địa bàn các xã Ia Krêl, Ia Dơk, Ia Dom và Ia Kla, Ia Din - huyện Đức Cơ) và các xã B12, B13, B14 (nay thuộc huyện Ia Grai). Chi bộ vùng II gồm đồng chí Nguyễn Long (Thứ), Bí thư và các đồng chí Võ Đệ (Hồng), Đặng Công Kha (Chí) làm Ủy viên.

Vùng III gồm các làng của xã B1, B2, B3, B4[7] (thuộc địa bàn huyện Chư Păh ngày nay), do chi bộ vùng III phụ trách. Ngoài ra, còn có chi bộ cơ quan với 3 đảng viên do đồng chí Bí thư Ban cán sự Đảng huyện 4 chịu trách nhiệm chỉ đạo phong trào chung.

Để đẩy mạnh xây dựng cơ sở, Ban cán sự Đảng huyện 4 phân công cán bộ đi sâu vào từng vùng, bám làng, bám từng người dân để móc nối, củng cố, gây dựng cơ sở nòng cốt, quần chúng cốt cán, lãnh đạo quần chúng đấu tranh chống bắt lính, lập tề, đòi hiệp thương tổng tuyển cử, chống đàn áp khủng bố, tố cộng diệt cộng, chống lấn chiếm đất lập dinh điền...

---

[5] Trịnh Quang Ngọc (Tường), Huỳnh Thăng (Hưnh, dân tộc Jrai), Ksor Thăn (dân tộc Jrai), Nguyễn Thành (Ui), Ngô Thành (Chinh), Nguyễn Đường, Phạm Đình Quí (Dăm), Tôn Long Vân (Thu), Nguyễn Đình Dung (Võ Dung), Nguyễn Tích, Rơchơm Loan (Luan, sau chuyển sang huyện Ô Ia Đao, tỉnh Ratanakiri -Campuchia) và đồng chí Siu Nang (Siu Tám) được Tỉnh ủy bổ sung về sau khi thành lập Ban cán sự Đảng huyện 5.

[6] Nay là các xã Ia Sao, Ia Hrung, Ia Pếch, huyện Ia Grai.

[7] Nay là các xã Ia Khươl, Ia Phí, Ia Ka, Ia Mơnông, huyện Chư Păh. Xã Ia Mơnông sau tách ra thành lập xã mới là Ia Ly.

Phía huyện 5 (có một phần huyện Đức Cơ ngày nay) thuộc vùng phía tây đường 14, nam đường 19 kéo dài đến biên giới Việt Nam - Campuchia. Trong thời kỳ đầu chống Mỹ, Ban cán sự Đảng huyện 5 phân chia địa bàn thành 3 vùng: vùng đông, vùng giữa (vùng Trung) và vùng tây để chỉ đạo phong trào. *Vùng đông* có phạm vi từ tây đường 14 đến đường Plei Me. *Vùng giữa* (vùng trung) có phạm vi từ đường Plei Me đến xã Ia Puch, Ia O. *Vùng tây* gồm các xã phía tây đến biên giới Campuchia. Mỗi vùng đều có từ 3 đến 4 cán bộ ở lại cùng với một số cơ sở cốt cán người địa phương phụ trách. Từ sau đồng khởi 1960, ta đã có vùng làm chủ. Đến năm 1961, huyện 5 hình thành xã (mật danh là E).

Vùng tây gồm các xã E1, E2 và một số làng của xã E3 (nay là các xã Ia Pnôn, Ia Nan, Ia Kriêng, Ia Lang - huyện Đức Cơ) và E4 (nay thuộc xã Ia Mơr, huyện Chư Prông) do các đồng chí Tôn Long Vân (Thu), Nguyễn Đường, Ksor Thăn phụ trách.

Là vùng chủ yếu đồng bào dân tộc Jrai sinh sống, cán bộ ta đã vận dụng phương thức hoạt động bí mật, bất hợp pháp, kết hợp với hợp pháp và nửa hợp pháp để tiếp xúc cơ sở nòng cốt cũ, tuyên truyền chủ trương của Đảng, từng bước gây dựng cơ sở mới. Hoạt động bí mật để tránh địch phát hiện, ăn ngủ ở ngoài rừng rẫy, dựa vào nguồn sinh hoạt phí được cấp và tự túc lương thực. Sau này khi tình hình thuận lợi, thì dựa vào dân, được dân giúp đỡ, nuôi dấu. Qua việc bám dân, bám làng để tuyên truyền vận động đã tạo mối quan hệ giữa cán bộ với dân làng. Quần chúng hiểu rõ hơn về cách mạng, nắm vững chính sách của Mặt trận Việt minh, đường lối đấu tranh của Đảng, từ đó tích cực tham gia vào các phong trào đấu tranh chống địch, bảo vệ cán bộ, cơ sở.

Trong những năm 1956-1957, thực hiện chủ trương của Liên Tỉnh ủy 4, để nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên, Tỉnh ủy Gia Lai mở cuộc vận động "Giáo dục chính trị tư tưởng, xây dựng Đảng, xây dựng cơ sở chính trị", học tập các tài liệu của Liên Tỉnh ủy 4 trong toàn Đảng bộ.

Ban cán sự hai huyện 4, 5 triển khai học tập cho cán bộ, đảng viên và quần chúng nòng cốt. Các tài liệu về Cương lĩnh Mặt trận, Công tác tuyên truyền vận động quần chúng, chủ nghĩa cộng sản được cán bộ, đảng viên tập trung nghiên cứu, cùng với tờ nội san "Vững Tiến" (đến năm 1960 đổi tên "Thống Nhất") của tỉnh được in thành hai thứ tiếng Jrai (Pơling) và Bahnar (Pơlir). Qua đợt sinh hoạt đã nâng cao khí tiết cách mạng, nâng cao nhận thức chính trị về cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ và tay sai là cuộc đấu tranh lâu dài, gian khổ và phức tạp nhưng nhất định thắng lợi trong cán bộ, đảng viên toàn tỉnh.

Để tăng cường sức mạnh của Đảng, từ cuối năm 1956 đầu 1957, huyện 4, 5 đã chọn lựa số thanh niên tích cực trong phong trào đấu tranh để tuyên truyền, giáo dục, tổ chức học tập Điều lệ Đoàn thanh niên lao động (tạm thời) do Liên tỉnh ủy 4 biên soạn, từ đó phát triển đoàn viên và giới thiệu nguồn phát triển đảng viên mới.

Ở huyện 5, với sự tuyên truyền giác ngộ, nhiều quần chúng thanh niên các làng xã đã trở thành cơ sở nòng cốt trong các phong trào quần chúng sau này, như Rơmah Dõng, (làng Bua, E1) phụ trách thanh niên xã E1 năm 1961; Rơmah

Bơk, phụ trách phụ nữ xã E1 năm 1957; Siu Hmơi, làng Bua, phụ trách phụ nữ xã E1 (năm 1959-1961); Rahlan Byin phụ trách phụ nữ xã E1 năm 1961-1965...Nhiều gia đình trở thành cơ sở cách mạng như gia đình mẹ Rahlan H'Blơk, làng Nẻh, xã E3-Ia Din). Gia đình mẹ có người con trai duy nhất là Rahlan Kuen, tham gia cách mạng từ sau năm 1954, vào du kích mật và là một trong những nòng cốt của lực lượng du kích xã. Năm 1962, Rahlan Kuen hy sinh tại làng Yit Phang (E3, nay là xã Ia Lang) trong khi đang làm nhiệm vụ chống địch càn quét. Ở xã B10 (Ia Dom), có ông Rahlan Phơn, là cán bộ cơ sở từ năm 1954, tích cực tham gia hoạt động tại xã. Ngoài ra còn có các ông Rơchâm Bút, Rơchâm Klunh tham gia hoạt động trong những năm 1959-1960...

Việc phát triển đảng viên được các huyện chú trọng. Cuối năm 1956 đầu năm 1957, huyện 5 tiến hành phát triển đảng viên ở cơ sở và thành lập chi bộ tại làng Ia Bua- xã E1 (nay là Ia Pnôn, huyện Đức Cơ). Tháng 8-1956, Rahlan Lem, dân tộc Jrai, làng Jrao Mnú, xã E1, là người dân tộc thiểu số đầu tiên được kết nạp vào Đảng, sau đó kết nạp thêm một số đảng viên mới như các anh Siu Bum, làng Ia Bua (1956), Rơmah Út, Puih Thiêng (1957)... Từ đó các làng xã lần lượt hình thành chi bộ.

Ở huyện 4, những năm này tổ chức đoàn thanh niên lao động phát triển mạnh ở các làng của xã B1, B2, B4, B6 và làng Roch Lang xã B9 (xã Ia Dơk, huyện Đức Cơ ngày nay). Mỗi xã có từ 20-25 đoàn viên. Sinh hoạt của đoàn thanh niên chủ yếu vào buổi tối. Ở xã B10 (nay là Ia Dom, huyện Đức Cơ), các buổi họp thanh niên đều có Bí thư và Phó bí thư xã tham dự, tuyên truyền phát động đoàn viên thanh niên.

Từ năm 1957, huyện 4 phát triển đảng viên mới người dân tộc địa phương ở những làng có phong trào mạnh ở vùng I, II, III. Trên địa bàn huyện Đức Cơ ngày nay, có đồng chí Thông đảng viên người dân tộc địa phương, làng Ngol Grong, xã B8 (nay là xã Ia Krêl, huyện Đức Cơ) được kết nạp Đảng năm 1958. Những đảng viên người dân tộc là những hạt nhân tích cực tham gia hoạt động, lãnh đạo phong trào quần chúng ở địa phương.

Năm 1954, sau khi tiếp quản địa bàn, đối phương đã có nhiều hành động phá hoại hiệp định đã được ký kết, đẩy mạnh bắt lính, kiểm soát dân, củng cố tề ngụy cơ sở. Ngày 23-10-1955, Ngô Đình Diệm tổ chức trưng cầu dân ý nhằm phế truất Bảo Đại, đưa Diệm lên làm tổng thống. Ngày 4-3-1956, tổ chức bầu cử Quốc hội bù nhìn.

Ban cán sự huyện 4, 5 tập trung lãnh đạo quần chúng đấu tranh chống bắt lính, bắt xâu, thu thuế, cướp bóc tài sản, chống lập tề. Khắp các vùng, các xã B8, B9, B10, B11 (huyện 4) và E1, E2, E3 (huyện 5) thuộc địa bàn Đức Cơ ngày nay, quần chúng nổi dậy đấu tranh chống địch lập bộ máy ngụy quyền cơ sở. Cán bộ ta đi sâu tuyên truyền cho quần chúng thấy rõ âm mưu phá hoại hiệp thương của địch, vận động không đi bỏ phiếu. Đồng bào các làng của xã E1, E2, E3 bỏ trốn vào rừng. Nhiều nơi do địch ép buộc, đồng bào không ghi tên vào danh sách cử tri, đốt phiếu, xé bỏ phiếu...

Trước những âm mưu phá hoại Hiệp định của Mỹ - Diệm, ngày 6-6-1955, Chính phủ Việt Nam Dân chủ cộng hòa ra Tuyên bố đề nghị chính quyền Sài Gòn thực hiện hiệp thương, tổng tuyển cử thống nhất đất nước.

Ngày 16-7-1955, Ngô Đình Diệm tuyên bố: Không ký Hiệp định nên bất cứ về phương diện nào cũng không bị ràng buộc.

Trước tình hình trên, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 8, khóa II (8-1955) khẳng định: "*Kẻ thù cụ thể, trước mắt của chúng ta hiện nay là đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai của chúng*"[8] và nêu nhiệm vụ trước mắt của cách mạng miền Nam là: ra sức tập hợp lực lượng của toàn dân thành một mặt trận rộng rãi để đấu tranh chống đế quốc và bè lũ tay sai, thực hiện thống nhất nước nhà.

Tháng 10-1955, triển khai chủ trương của Trung ương Đảng, tỉnh Gia Lai đã đề ra nhiệm vụ lãnh đạo phong trào đấu tranh chính trị của quần chúng, đòi hiệp thương tổng tuyển cử, cải thiện dân sinh, chống xâu thuế, chống khủng bố, bắt bớ, trả thù người tham gia kháng chiến cũ; vận dụng phương châm đấu tranh hợp pháp, nửa hợp pháp và không hợp pháp đối với từng vùng. Cán bộ, đảng viên bám dân, bám cơ sở lãnh đạo phong trào đấu tranh chống địch.

Từ giữa tháng 10 đến tháng 12-1955, phong trào diễn ra khắp các vùng nông thôn, đô thị trong toàn tỉnh.

Ở vùng phía tây đường 14, Ban cán sự huyện 4, 5 đã phát động phong trào quần chúng đấu tranh chính trị trực diện, đòi chính quyền Sài Gòn hiệp thương, tổng tuyển cử.

Ở huyện 4, nhiều đoàn đã kéo lên quận lỵ, lên thị xã Pleiku gặp Phó tỉnh trưởng đưa kiến nghị đòi chính quyền Sài Gòn hiệp thương, tổng tuyển cử, đòi tự do đi lại làm ăn... Các đoàn đấu tranh đã huy động được hàng chục, hàng trăm người, có cả một số tề tổng và binh lính đồng tình hưởng ứng. Trong các cuộc đấu tranh đều có sự hướng dẫn của cán bộ và cơ sở nòng cốt, chuẩn bị kế hoạch, bản yêu sách, kiến nghị có chữ ký hoặc điểm chỉ của người dân trong làng, bố trí đại diện đoàn khi đấu tranh trực diện với địch.

Phong trào phát triển mạnh và lan rộng khắp, lan đến các vùng sát biên giới Campuchia. Ở xã B8, B9, B10, B11 (thuộc địa bàn Đức Cơ), hàng trăm quần chúng cùng với các làng xã B13 (nay thuộc huyện Ia Grai) tập hợp thành đoàn kéo đến đồn, quận lỵ đấu tranh đòi hiệp thương tổng tuyển cử, đòi quyền lợi dân sinh dân chủ.

Phong trào đấu tranh của quần chúng nhân dân các làng xã vùng Đức Cơ đã tập hợp được đông đảo các tầng lớp quần chúng tham gia. Mục tiêu đấu tranh tập trung vào đòi hiệp thương tổng tuyển cử, đòi dân sinh dân chủ, đã đạt được kết quả bước đầu. Từ phong trào, ta xây dựng cốt cán tại chỗ và phát hiện thanh niên tích cực giới thiệu cho Đảng. Tuy nhiên, mục tiêu đấu tranh chính trị của quần chúng trong thời gian đầu đấu tranh chính trị còn hạn chế, chưa chú trọng vào đòi quyền lợi dân sinh dân chủ, đòi cải thiện đời sống.

---

[8] Đảng cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, t.16, tr. 571.

Trong những năm 1958 -1959 trên địa bàn huyện Đức Cơ diễn ra phong trào đấu tranh chống "tố cộng, diệt cộng".

Từ năm 1957-1958, trước phong trào đấu tranh của nhân dân toàn miền Nam, Mỹ - Diệm đã thẳng tay đàn áp, khủng bố phong trào cách mạng với những thủ đoạn tàn khốc. Ngày 6-5-1959, Ngô Đình Diệm ra luật 10/59, thiết lập ba tòa án quân sự đặc biệt ở Sài Gòn, Buôn Ma Thuột và Huế.

"Tố cộng, diệt cộng" là chính sách cơ bản của Mỹ - Diệm trong cuộc chiến tranh một phía, được nâng lên thành quốc sách. Để thực hiện khủng bố trắng, Ngô Đình Diệm lập bộ máy chỉ đạo từ trung ương đến tận xã, ấp. Hội đồng chỉ đạo tố cộng trung ương phối hợp chặt chẽ với Bộ Nội vụ, Bộ Quốc phòng, Tổng Nha cảnh sát...Ở tỉnh có Ủy ban chỉ đạo tố cộng. Ở xã, ấp có các "đoàn công dân vụ" gồm những tên ác ôn nhất, được huấn luyện nghiệp vụ phát hiện cơ sở cách mạng, các biện pháp lừa bịp mị dân và tra khảo người bị bắt...

Ở địa bàn huyện 4 và 5, các *đoàn công dân vụ* hoạt động chủ yếu dựa vào bọn chỉ điểm, tề, dân vệ, cảnh sát ở xã, ấp và được sự hỗ trợ của các tổng đoàn dân vệ, bảo an trong các cuộc hành quân càn quét.

Đối tượng tố cộng là những người tham gia kháng chiến, gia đình có người thân đi tập kết, những người tán thành hòa bình, thống nhất đất nước...Chính sách tố cộng của Ngô Đình Diệm được đẩy mạnh sau khi Luật 10/59 ra đời. Các đoàn công dân vụ có vũ trang và binh lính hỗ trợ càn vào các làng truy lùng những người tình nghi liên quan đến kháng chiến để bắt bớ, xét hỏi. Kẻ địch dùng mọi thủ đoạn để bắt dân tố cộng như viết giấy ly khai chồng con đi tập kết, bắt xé cờ Đảng, xé ảnh Bác Hồ, đâm hình nộm Việt cộng, hoặc mua chuộc, thưởng cho những ai phát hiện cán bộ, cơ sở cách mạng... Chính sách "tố cộng, diệt cộng" của Mỹ - Diệm đã gây tổn thất cho phong trào, một số cơ sở bị vỡ, cán bộ bị bắt bớ.

Xác định cuộc đấu tranh trước mắt đầy thử thách và quyết liệt, Ban cán sự huyện 4, 5 đã tăng cường lãnh đạo nhân dân đấu tranh chống âm mưu tố cộng của địch, quyết bám đất, bám cơ sở để lãnh đạo giữ dân, giữ vững phong trào, kịp thời chỉ đạo rút số bị lộ ra ngoài để bảo toàn cơ sở.

Để đấu tranh chống địch, cơ sở hợp pháp trong các làng, các vùng đã bám dân hướng dẫn đấu tranh với nhiều hình thức: dựa vào phong tục tập quán của đồng bào để không đâm hình nộm, không viết giấy ly khai với lý do không biết chữ. Đồng bào đã cùng nhau thề "*Ayăt mă teh bi tak, ayăt mă phak bi khai, ayăt mă pơ djai bi kơdun*" (địch bắt, đánh đập, tra tấn - không nói; địch bắt tù đày bao nhiêu năm- không khai báo; địch có băn giết- không đầu hàng).

Qua đấu tranh chống tố cộng, cán bộ, đảng viên huyện 4, 5 (có địa bàn huyện Đức Cơ ngày nay) vẫn giữ vững khí tiết của người cộng sản. Quần chúng vẫn một lòng tin Đảng, tin cách mạng, nhiều cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân hy sinh thân mình để bảo vệ cơ sở, phong trào.

Tháng 11-1958, địch đưa quân đến đóng chốt 2-3 ngày liền ở làng Yit Prông và Yit Klah, xã E3 (nay là xã Ia Lang và Ia Din, huyện Đức Cơ) để tố cộng. Chúng tập hợp dân làng bắt kê khai dân số, làm thẻ kiểm tra, truy xét cơ

sở, bắt những người nghi có tham gia hoạt động cách mạng để tra khảo, cấm không cho dân ra ngủ ngoài rẫy, không cho cất lúa gạo ngoài rừng...Cán bộ hoạt động bất hợp pháp không vào được làng để nắm tình hình, không được tiếp tế lương thực, thực phẩm. Trước tình hình trên, chị em phụ nữ trong làng đã tìm cách tranh thủ, vận động một số binh lính để được đi ra suối lấy nước, từ đó lén giấu những nắm cơm vào gùi, đổ gạo vào bầu nước để tiếp tế cho cán bộ ta và báo cáo tình hình, xin ý kiến về hướng đấu tranh.

Ở các làng Ia Bua, Ia Lung (xã E1), có lần địch tình nghi, bắt một số cơ sở để đưa về đồn xét hỏi, dân làng đã tập hợp nhau lại, có cả già làng tham gia, kéo đến giành giữ những người bị bắt. Có lần, một cán bộ hoạt động bất hợp pháp vào làng Yit Prông để gặp cơ sở, đúng lúc địch ập vào bao vây làng, cơ sở ta đã nhanh trí che giấu, bảo vệ cán bộ một cách an toàn.

Những năm 1957-1959, là thời kỳ địch tố cộng, đánh phá ác liệt cơ sở và phong trào cách mạng. Huyện 4, 5 tăng cường củng cố các tổ chức quần chúng bí mật, đẩy mạnh đấu tranh binh tề vận. Cán bộ, đảng viên và cơ sở hợp pháp bám sát dân lãnh đạo, hướng dẫn đấu tranh chống tố cộng. Ở huyện 5, xuất hiện nhiều gương quần chúng điển hình trong đấu tranh chống địch như chị Ba, anh Bảy làng Yit Prông, ông Hit, chị Piơ làng Ngol Le, Ia Lung (xã E3), chị Phiat làng Ia Boa (xã E1).

Để ổn định tư tưởng cán bộ, đảng viên trong đợt địch "tố cộng, diệt cộng", Tỉnh ủy mở đợt vận động *xây dựng Đảng, xây dựng cơ sở chính trị lần thứ hai (1958-1959)* với nội dung "thương dân, yêu nước đứng lên làm cách mạng", "ba yêu, ba ghét". Trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số còn gọi là "*Phong trào đòi trả nợ xương máu, đứng lên giữ gìn đất nước*" (Iung kơting, pơjing teh đak), "*kiăng lon ia rơngei, pơdjai ayat*" (muốn đất nước độc lập, phải tiêu diệt kẻ thù).

Ban cán sự Đảng huyện 4, 5 quán triệt nội dung cuộc vận động, nâng cao nhận thức, ý chí đấu tranh cách mạng cho cán bộ, đảng viên và nhân dân; tập trung lãnh đạo củng cố cơ sở Đảng, từ đó phong trào trong vùng từng bước được củng cố và phát triển.

Năm 1955-1956, Mỹ - ngụy âm mưu bắt bớ giam cầm những người kháng chiến trở về hoạt động tại địa phương hòng đánh phá cơ sở của ta.

Tháng 4-1956, hàng loạt tù chính trị ở các tỉnh Nam Bộ bị địch đưa từ các trại giam về giam giữ ở nhà lao Phú Tài (Bình Định), một số đưa về trại cải huấn Pleiku (gần sân bay Arêa Pleiku), trong đó chủ yếu là người tỉnh Bến Tre. 850 tù chính trị (không có nữ) bị đưa về "Trung tâm huấn chính Pleiku".

Với âm mưu lưu đày khổ sai và nhằm phân tán lực lượng tù chính trị phạm, địch đưa 200 anh em tù đi Quy Nhơn, 200 tù đi Kon Tum. Một số bị đưa lên làm đường, các công trình quân sự ở An Khê, Đak Tô.

Tháng 2-1958, chúng đưa 200 tù chính trị từ Pleiku lên công trường làm sân bay Chưdron (Chư Drông), dưới chân núi Phượng Hoàng (nay thuộc địa bàn xã Ia Dom, huyện Đức Cơ), cạnh quốc lộ 19, cách biên giới Campuchia 12 km, cách Pleiku khoảng 80 km. Đầu tháng 6-1958, địch cho xe chở rút về Pleiku 107

anh em, còn lại tại công trường là 93 tù chính trị; dưới sự canh giữ, kiểm soát của một trung đội lính thuộc Trung đoàn 181 do Trung úy Rahlan Neang và chuẩn úy Ksor Do chỉ huy, cùng với 4 sĩ quan và 29 binh lính người địa phương, được trang bị đầy đủ vũ khí.

Khi bị đưa lên công trường Chư Drông, anh em tù chính trị đã bí mật chuẩn bị kế hoạch cho cuộc bạo động. Qua những lần tranh thủ bọn chỉ huy và binh lính ở công trường, anh em đã nắm được tình hình thực địa và lên kế hoạch cụ thể. Đúng 16h30' ngày 7-6-1958, sau tiếng súng báo hiệu, đồng loạt 93 tù chính trị trên công trường đã nổi dậy bất ngờ uy hiếp khống chế và bắt trói bọn lính, tước vũ khí, thu 24 súng các loại, phá hủy 2 điện đài, 1 xe cam nhông. Một số binh lính chạy thoát bỏ trốn vào rừng. Sau đó, anh em nhanh chóng rút về hướng làng Djrao Mnú, làng Lao Sinh, qua biên giới Campuchia, tập trung tại huyện Bô Keo tỉnh Stung Treng (Campuchia), xin tị nạn chính trị. 90 anh em tù được giải thoát, một đồng chí bị thương chạy vào rừng, 2 đồng chí bị lạc, sau đó 1 đồng chí bị địch truy lùng bắt lại, 1 đồng chí bị địch bắn chết.

Trước khi rút đi, anh em tù chính trị để lại một bức thư gửi đại tá Đỗ Cao Trí, Tư lệnh Quân khu 3 (sau đổi thành Quân khu 2, Quân đoàn II ngụy), có nội dung vừa tố cáo hành động phản cách mạng, vừa tranh thủ phân hóa kẻ thù. Cuộc nổi dậy của tù chính trị phạm trên công trường Chư Drông (Chư Ty) diễn ra nhanh chóng, chỉ trong vòng chưa đầy 20 phút, có sự chuẩn bị kỹ lưỡng nên đã làm cho kẻ địch bất ngờ, lúng túng, không kịp đối phó. Cuộc nổi dậy đã gây rung động toàn Pleiku và lan đến tận một số tỉnh Nam bộ và tỉnh Bến Tre. Liên tiếp trong các ngày 8, 9 và 12 sau đó, Tỉnh trưởng Pleku đã có nhiều bức điện gửi lên cấp trên và tổ chức các cuộc hành quân lùng soát nhưng không có kết quả.

Cuộc nổi dậy của 93 tù chính trị xảy ra trên công trường Chư Drông đã thể hiện tinh thần dũng cảm, ý chí cách mạng tiến công của những tù chính trị, mưu mẹo trong tổ chức và hành động nên đã đạt được kết quả. Ảnh hưởng của cuộc bạo động đã lan rộng trong toàn vùng, tiếp thêm ý chí cho quần chúng trong các phong trào đấu tranh chống các âm mưu thủ đoạn của địch.

Cùng với tố cộng, diệt cộng, Mỹ - Diệm đẩy mạnh chính sách chiếm đất lập dinh điền ở Tây Nguyên để thực hiện mục đích khai thác kinh tế và xây dựng căn cứ quân sự án ngữ vùng biên giới.

Từ đây, phong trào đấu tranh chống địch lấn chiếm đất, lập dinh điền của quần chúng huyện 4, huyện 5 (có địa bàn huyện Đức Cơ ngày nay) phát triển.

Từ năm 1957, Mỹ - Diệm di dân các tỉnh Bình Định, Quảng Ngãi, Quảng Nam...lên Gia Lai lập 28 dinh điền trên địa bàn các huyện 3, 4, 5, 6 và 8 với diện tích gần 30 ngàn ha và 34.952 dân (chưa tính khu dinh điền Cheo Reo) thuộc sự quản lý của khu dinh điền Pleiku I và II. Với chính sách lập dinh điền, Mỹ - Diệm đã trắng trợn cướp đất nương rẫy của đồng bào địa phương để lập nên hệ thống các dinh điền rộng lớn canh tác cao su, kinap (đay)...

Các dinh điền được lập nên thực chất là những pháo đài chống cộng, vừa mang tính chất kinh tế, chính trị và quân sự, nhằm khống chế vùng nông thôn

đồng bào dân tộc. Ngoài ra, dinh điền còn là trung tâm thực hiện chính sách chia rẽ giữa người Kinh với đồng bào dân tộc tại chỗ và tuyên truyền tố cộng của địch.

Ở huyện 4, địch lập 10 dinh điền với tổng diện tích 10.335 ha, 14.998 dân. Thuộc địa bàn huyện Đức Cơ ngày nay có: Dinh điền Lệ Kim (Plei Klah, Ia Pi- xã B9, nay là xã Ia Dơk), được Mỹ - Diệm xây dựng đầu tiên. Dinh điền Đức Khánh (Ia Kaih - xã B9, nay là xã Ia Dơk). Dinh điền Đức Hưng (Ia Krêl - xã B10, nay là xã Ia Dom)[9].

Ở huyện 5, địch lập 12 địa điểm dinh điền. Thuộc địa bàn huyện Đức Cơ ngày nay có:

Dinh điền Lệ Phong I (Plei Djrao Kop 1- xã E1, nay là xã Ia Pnôn)[10], gồm 1.361 dân tỉnh Quảng Ngãi.

Dinh điền Lệ Phong II (Đức Vinh, Plei Djrao Kop 2 - xã E1, nay là xã Ia Pnôn)[11], gồm 1.922 dân của tỉnh Thừa Thiên và Quảng Ngãi.

Dinh điền Thăng Đức (Chưdron 1- xã E1, nay thuộc xã Ia Nan)[12]gồm 833 dân tỉnh Quảng Nam.

Dinh điền Giáo Trạch (Chưdron 2- xã E1, nay thuộc xã Ia Pnôn)[13] gồm 1.118 dân tỉnh Quảng Ngãi và Bình Định.

Dinh điền Đức Nghiệp (Plei Lung yarang- xã E2, nay thuộc xã Ia Kriêng)[14] gồm 1.922 dân tỉnh Thừa Thiên, Quảng Ngãi.

Ngoài ra còn có dinh điền Thanh Giáo (Trà Phan- xã E12, thuộc địa điểm xã Ia Blang, huyện Chư Prông ngày nay) [15] gồm 1.309 dân tỉnh Bình Định.

Việc chiếm đất lập dinh điền được tiến hành từng bước, ban đầu chiếm đất rừng, sau tiến đến cày ủi lấn chiếm đất đai ruộng rẫy của đồng bào đang canh tác, tạo thành hệ thống các địa điểm dinh điền dọc các trục giao thông và dọc vùng biên giới. Chính sách lập dinh điền của địch được thực hiện ráo riết và trắng trợn sau khi Ngô Đình Nhu lên thị sát tình hình ở hai khu dinh điền Pleiku I và II. Ruộng rẫy, đất đai vùng đồng bào dân tộc bị thu hẹp, mồ mả ông bà bị cày xới, phong tục bị chà đạp, đó chính là nguyên nhân dẫn đến các cuộc đấu tranh của nhân dân trong vùng chống âm mưu chiếm đất lập dinh điền của địch.

Đồng bào bị dồn đưa lên trong các dinh điền chủ yếu từ các tỉnh đồng bằng miền Trung, mỗi dinh điền có từ 3 đến 5 thôn, được lập thành xã với trên dưới 1000 dân, dưới sự quản lý của cơ quan hành chính và lực lượng an ninh, cảnh sát. Việc hướng dẫn và quản lý sản xuất do địa điểm trưởng mỗi dinh điền phụ trách. Hoạt động dinh điền thuộc sự quản lý của khu dinh điền Pleiku, dưới sự chỉ đạo chung của Vùng dinh điền Tây nguyên đặt trụ sở tại Buôn Ma Thuột.

---

[9] Thành lập ngày 16-4-1959, với diện tích 607 ha
[10] Thành lập ngày 3-2-1958, với diện tích 908 ha.
[11] Thành lập ngày 10-11-1959, với diện tích 988 ha
[12] Thành lập ngày 1-5-1957, với diện tích 833 ha
[13] Thành lập ngày 16-4-1959, với diện tích 607 ha
[14] Thành lập ngày 10-11-1959, với diện tích 408 ha
[15] Thành lập ngày 21-3-1958, với diện tích 784 ha.

Lực lượng an ninh tăng cường kiểm soát sự đi lại hoạt động của người dân trong dinh điền và đồng bào dân tộc các vùng xung quanh.

Trong dinh điền, các tổ chức chính trị như thanh niên cộng hòa, phụ nữ liên đới, tập đoàn công dân, đảng cần lao nhân vị...cũng thành lập, tăng cường hoạt động tuyên truyền lôi kéo người dân vào tổ chức phản động chống lại cách mạng. Dân dinh diền phải chịu cảnh "cá chậu, chim lồng", bị kiểm soát chặt chẽ và bị tách biệt mọi quan hệ với bên ngoài.

Đối với đồng bào dân tộc tại chỗ, chính sách lập dinh điền của Mỹ - Diệm đã đẩy người dân vào cảnh bị mất đất, phong tục tập quán bị xâm phạm, sống cuộc sống mất tự do. Từ đó âm ỉ, nhen nhóm các cuộc nổi dậy của đồng bào dân tộc tại chỗ đấu tranh chống chính sách chiếm đất lập dinh điền của Mỹ-Diệm.

Từ năm 1957 đến 1960, trên địa bàn huyện Đức Cơ ngày nay, *đã diễn ra các cuộc đấu tranh trong vùng nông thôn đồng bào dân tộc chống lấn chiếm đất lập dinh điền*.

Cuộc đấu tranh chia thành hai thời kỳ:

Từ năm 1957-1958 là thời kỳ đấu tranh lẻ tẻ từng dinh điền do địch chiếm đất từng phần, với diện tích ít, chưa xâm phạm đến đất ruộng rẫy canh tác của đồng bào. Về phía ta, chưa phát động quần chúng toàn vùng cùng đấu tranh, việc xây dựng quan hệ Kinh - Thượng còn yếu. Bên cạnh đó, do thủ đoạn tuyên truyền của địch nên giữa đồng bào Kinh và đồng bào dân tộc vùng xung quanh các dinh điền có sự nghi kỵ, chưa hiểu nhau, nên chưa có sự liên kết trong đấu tranh.

Từ năm 1959 trở đi là thời kỳ đấu tranh mạnh, rộng, có sự lãnh đạo, hướng dẫn chặt chẽ của ta. Do địch đẩy nhanh mức độ cày ủi với diện tích lớn, xâm phạm đến đất đai, nương rẫy của đồng bào. Dưới sự lãnh đạo của Ban cán sự hai huyện 4 và 5, đồng bào các vùng bị địch lấn chiếm đất đã nổi dậy đấu tranh. Các cuộc đấu tranh dần phát triển với qui mô rộng lớn, diễn ra có trọng điểm, với mục tiêu và khẩu hiệu sát hợp, có sự liên kết giữa các làng trong vùng.

Phong trào đấu tranh của quần chúng diễn ra với nhiều hình thức: hợp pháp, bất hợp pháp và nửa hợp pháp; tranh thủ sự đồng tình của tề làng, tề tổng đưa kiến nghị lên đại diện xã, lên quận, tỉnh; tập hợp dân làng đấu tranh ngay tại nơi địch cày ủi, để giành giữ đất.

Các ban chỉ đạo đấu tranh ở các huyện được thành lập. Mỗi làng có ban đại diện đấu tranh thay mặt dân đưa yêu sách, kiến nghị lên đại diện xã, lên quận, tỉnh và chỉ đạo đấu tranh trực diện tại chỗ. Ở những nơi trọng điểm, đồng chí Huyện ủy viên trực tiếp phụ trách chỉ đạo. Mục tiêu đưa ra là ngăn chặn và hạn chế địch lấn chiếm đất, giành và giữ ruộng rẫy, đất đai, cây cối, mồ mả của người dân.

Từ cuối 1958, phong trào diễn ra mạnh mẽ khắp các làng vùng tây đường 14. Khắp nơi, đồng bào nêu cao khẩu hiệu "*chống cướp đất lập dinh điền", "không được cày ủi đất đai của ông bà", "không được phá rẫy của đồng bào*"..., tập hợp nhau lại kéo đến nơi địch đang cày ủi để cắm cọc giữ đất, giằng co kéo lái xe xuống không cho cày ủi.

Ở dinh điền Lệ Kim (Ia Pi -xã B9, huyện 4, thuộc địa bàn huyện Đức Cơ ngày nay), đồng bào các làng Dơk Ngol, Dơk Klah, Dơk Lut... quanh dinh điền đã kéo đến trụ sở địa điểm trưởng đấu tranh đòi thả những người bị bắt, đòi bồi thường thiệt hại. Trong đấu tranh, đồng bào đã đưa ra lý lẽ: Các ông nói quốc gia tốt, sao cày ủi hết rẫy, rừng, mồ mả của chúng tôi... Đây là đất của ông bà, các ông không được lấy đất này...Đồng thời phân công người ra canh giữ, không để địch ủi đất.

Ở dinh điền Lệ Phong 2 (Đức Vinh- xã E1 (Ia Nan), dinh điền Đức Nghiệp (xã E3, huyện 5, thuộc địa bàn huyện Đức Cơ ngày nay) và các dinh điền Lệ Ngọc, Thanh Giáo (nay thuộc huyện Chư Prông), phong trào đấu tranh phát triển mạnh mẽ.

Tháng 2-1959, đồng bào của 12 làng quanh dinh điền Lệ Phong 2 đã kéo ra cắm cọc, giữ đất đang canh tác. Một số kéo đến vây quanh cơ quan dinh điền đưa yêu sách không cho địch vào ủi đất của đồng bào. Địch dùng thủ đoạn mua chuộc, lừa phỉnh một số người ký vào giấy cam kết giả và cho lính bảo an đến uy hiếp quần chúng. Cơ sở ta đã hướng dẫn đồng bào kéo lên quận Lệ Thanh đấu tranh vạch rõ thủ đoạn của địch, đòi quận trưởng Lưu Văn Trí phải cho làm lại giấy cam kết.

Cuộc đấu tranh chống cướp đất, lập dinh điền của nhân dân vùng Đức Cơ và trên địa bàn huyện 4, 5 diễn ra rất quyết liệt, góp phần làm chậm kế hoạch lập dinh điền của địch. Tuy nhiên, một số dinh điền cũng vẫn được lập nên để trồng cao su, ki nap. Ở những nơi này, đồng bào tiếp tục đấu tranh với mọi hình thức: ban đêm ra nhổ cây cao su non mới trồng cho cây héo chết, hoặc phạt ngang cho gãy ngọn cây... Bọn quản lý dinh điền phải điều lực lượng dân vệ ra canh gác, nhưng hàng chục ha cao su mới trồng vẫn bị phá. Sau này địch khoán cho từng hộ dân dinh điền tự chăm sóc và bảo vệ, nên đồng bào các dinh điền yêu cầu ta không phá cây nữa. Cùng với đấu tranh chống địch cày ủi, đồng bào các làng còn tranh thủ phát rẫy vào ban đêm để chiếm giữ đất.

Các cuộc đấu tranh diễn ra rộng khắp, với lực lượng đông đảo quần chúng các làng vùng phía tây đường 14 (trên địa bàn huyện Đức Cơ) tham gia, nhằm mục tiêu giành giữ đất đai, bảo vệ quyền lợi thiết thực của người dân.

Với sự lãnh đạo và hướng dẫn của cơ sở, hình thức đấu tranh chính trị kết hợp với binh tề vận phù hợp với yêu cầu lúc này, các cuộc đấu tranh đã tranh thủ được sự ủng hộ của cả binh lính người địa phương và tầng lớp trên. Ban cán sự huyện 4, 5 tăng cường phát động quần chúng, phát huy tinh thần đoàn kết trong đồng bào dân tộc và sự liên kết với đồng bào Kinh trong dinh điền trong các cuộc đấu tranh chống âm mưu lấn chiếm đất lập dinh điền của địch.

Ảnh hưởng của phong trào đấu tranh trong vùng nông thôn đồng bào dân tộc đã tác động mạnh đến các dinh điền. Đồng bào Kinh trong dinh điền hưởng ứng phong trào của đồng bào dân tộc tại chỗ, được sự hướng dẫn của cơ sở hợp pháp trong dinh điền, đã mạnh dạn đứng lên đấu tranh với ban quản lý dinh điền, đòi cải thiện đời sống, đòi quyền lợi dân sinh dân chủ, đòi được đi lại quan hệ với đồng bào các dân tộc địa phương.

Ở dinh điền Lệ Phong I, II và Giáo Trạch, đồng bào tổ chức phá, nhổ hàng chục ha cao su, đưa kiến nghị lên cơ quan dinh điền đòi cải thiện đời sống, đòi trở về quê cũ làm ăn.

Đồng bào dinh điền Lệ Kim (B9, nay thuộc xã Ia Dơk) đấu tranh đòi địch cấp phát đủ tiêu chuẩn gạo, thực phẩm, đòi cải thiện đời sống, đòi trồng lúa, bỏ trồng đay, chống rào làng, bắt xâu, đòi trở về quê cũ.

Để đẩy mạnh phong trào đấu tranh của đồng bào vùng dân tộc cũng như đồng bào Kinh trong dinh điền, Ban cán sự huyện 4, 5 tăng cường gây dựng cơ sở trong dinh điền để hướng dẫn quần chúng đấu tranh. Cán bộ hoạt động bất hợp pháp bám dân, móc nối với những người trước đây tham gia kháng chiến để tuyên truyền gây dựng cơ sở. Với sự hoạt động tích cực, đến năm 1960-1962, hầu hết trên địa bàn hai huyện 4, huyện 5 đều đã có cơ sở trong dinh điền. Dinh điền Lệ Kim là một trong những nơi có cơ sở mạnh của huyện 4 lúc bấy giờ. Các dinh điền Lệ Phong I, Lệ Phong II (Đức Vinh), Thanh Giáo (huyện 5) ta đã xây dựng được cơ sở trong số quần chúng tích cực. Mỗi dinh điền có từ 3-5 cơ sở, chủ yếu hoạt động đơn tuyến, thông qua cơ sở người dân tộc địa phương hoặc qua hộp thư bí mật . Có dinh điền ta gây dựng được cả cơ sở nội tuyến trong dân vệ. Có sự hướng dẫn, phong trào đấu tranh của đồng bào Kinh trong dinh điền đã liên kết chặt chẽ với phong trào của đồng bào dân tộc tại chỗ.

Ở huyện 5, Ban cán sự huyện 5 chú trọng tranh thủ tầng lớp trên, các tề làng, tề tổng và cả binh lính người dân tộc đồng tình, ủng hộ các cuộc đấu tranh của quần chúng. Trên địa bàn có anh Ksor Thăn, trí thức người dân tộc Jrai làng Ia Boa (xã E1, nay là Ia Pnôn), là cán bộ từ thời kỳ kháng chiến chống Pháp, rất tích cực tuyên truyền vận động tranh thủ chủ làng, tề tổng và một số tề huyện như huyện Prăk (Plei Kli), huyện Tul, huyện Giai, huyện Bông (Chư Ty). Siu Sang, thư ký quận trưởng Lệ Thanh thường liên lạc với ta để báo tình hình địch.

Để gây dựng được cơ sở trong dinh điền, các huyện thành lập các đội công tác dinh điền. Nhiều đồng chí đã hy sinh anh dũng trong khi làm nhiệm vụ như đồng chí Lê Phi Hùng, nguyên là cán bộ ở lại và Bí thư Ban cán sự khu 8 (An Khê). Năm 1960, đồng chí được bổ sung vào Ban cán sự Đảng huyện 4, phụ trách công tác dinh điền. Tháng 10-1960, khi đang trên đường đi xây dựng cơ sở dinh điền, do có sự chỉ điểm của chủ làng Roch Lang (xã B9, nay thuộc xã Ia Dơk, huyện Đức Cơ), đồng chí bị địch phục kích, bắt và dùng cực hình tra tấn dã man trước dân làng Sung (B10), Roch Lang, Dok Ngol (B9). Do cương quyết không khai báo cơ sở, đồng chí đã bị địch mổ bụng, moi gan, chặt đầu treo lên cây cổ thụ gần quận Lệ Thanh. Thủ đoạn hèn hạ của địch đã làm tăng sự căm phẫn trong đồng bào các làng xã trong vùng. Đồng chí Lê Phi Hùng đã nêu tấm gương sáng về tinh thần bất khuất của người đảng viên cộng sản trước kẻ thù. Gương hy sinh dũng cảm của đồng chí đã để lại trong lòng nhân dân địa phương sự tiếc thương và khâm phục. Ngày 23-02-2010, đồng chí Lê Phi Hùng đã được Đảng và Nhà nước truy tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.

Phong trào đấu tranh chống địch lấn chiếm đất lập dinh điền ở vùng nông thôn đồng bào dân tộc huyện 4, 5 (trên địa bàn huyện Đức Cơ ngày nay) là phong trào đấu tranh chính trị nòng cốt ở vùng phía tây đường 14. Dưới sự chỉ

đạo của Ban cán sự hai huyện, phong trào có sự liên kết chặt chẽ giữa các làng, các vùng, huy động được đông đảo đồng bào dân tộc địa phương với đồng bào Kinh ở các dinh điền tham gia. Các cuộc đấu tranh đã có tác động mạnh đến phong trào ở vùng đô thị và các đồn điền, góp phần làm thất bại âm mưu chiếm đất lập dinh điền của địch.

Công tác xây dựng căn cứ, tổ chức Đảng, đẩy mạnh các phong trào văn hóa, văn nghệ, bảo vệ hành lang ở huyện 4, huyện 5 (trên địa bàn huyện Đức Cơ ngày nay).

Để có bàn đạp đứng chân lãnh đạo phong trào, Ban cán sự huyện 4, 5 tập trung xây dựng căn cứ địa. Ở huyện 5, Ban cán sự Đảng dựa vào địa bàn các xã E4 (Ia Mơr), E6 (Ia Puch), E7 (Ia Bòng) để xây dựng căn cứ "lõm". Riêng xã E1 (Ia Pnôn) tuy là xã mạnh, nhưng vì không trung tâm, nên cơ quan huyện 5 không chọn làm nơi đứng chân để hoạt động.

Ở huyện 4, các làng Bek (xã B6), Hluh Yut, Hluh Ia Loa, làng Chăm (xã B14), làng Krang, làng Nú (xã B13), được chọn xây dựng căn cứ, nơi đứng chân hoạt động.

Để phát triển lực lượng, Ban cán sự hai huyện chú trọng tuyên truyền giáo dục thanh niên các làng, phát triển đoàn thanh niên lao động và phát triển Đảng. Thanh niên các làng xã tích cực tham gia các phong trào xây dựng căn cứ, sản xuất, văn hóa, văn nghệ, bảo vệ hành lang. Thanh niên cũng rất ham học chữ phổ thông, chữ Jrai của dân tộc mình. Lúc đầu việc học chữ chỉ tập trung ở đối tượng là thanh niên, sau cả người lớn tuổi cũng theo học. Phong trào phát triển ở các làng, có tác dụng tốt cho công tác tuyên truyền vận động quần chúng.

Cùng với học văn hóa, tuyên truyền vận động nhân dân thực hiện vệ sinh phòng chống dịch bệnh, nhất là tả lỵ, sởi, thương hàn...cũng được chú trọng. Cán bộ y tế của huyện 4, huyện 5 tăng cường bám làng xã để tuyên truyền, vận động đồng bào giảm bỏ những phong tục tập quán có hại đến sức khỏe và đời sống. Thanh niên là đối tượng chính để tuyên truyền, vận động đi đầu cải cách những tập tục lạc hậu, xây dựng thôn làng sạch sẽ, từ đó lan rộng ra dân trong làng.

Để giúp đồng bào chăm sóc sức khỏe, cán bộ y tế huyện, tỉnh tăng cường hướng dẫn đồng bào sử dụng thuốc nam để chữa một số bệnh thông thường như cảm, thương hàn, tả, lỵ..., từng bước bỏ việc cúng *Yang* khi đau ốm. Từ việc sử dụng thuốc nam, đồng bào ngày càng tin tưởng cán bộ, biết kết hợp sử dụng thuốc nam với thuốc tây trong chữa bệnh.

Ngoài ra nhân dân các làng trong vùng Đức Cơ như xã E1, E2, E3 tích cực tham gia đào hầm, vót chông, cắm chông, bố phòng làng xã để chống địch càn quét, bảo vệ thôn làng. Thanh niên các xã B10, B11 tích cực tham gia bảo vệ hành lang của tỉnh, huyện, tuần tra dọc sông Pô Cô thuộc địa phận các làng Mok Đeng, Sung Ke, Peng. . .

II- CHUYỂN PHONG TRÀO LÊN THEO HƯỚNG MỚI, TIẾN TỚI ĐỒNG KHỞI GIÀNH QUYỀN LÀM CHỦ (1959-1960)

Âm mưu đàn áp, khủng bố của Mỹ-Diệm trong những năm đầu của cuộc kháng chiến chống Mỹ và tay sai đã làm cho tình hình cách mạng miền Nam gặp muôn vàn khó khăn. Tháng 6-1956, trên cơ sở nghiên cứu "*Đề cương cách mạng miền Nam*" do đồng chí Lê Duẩn soạn thảo, Bộ Chính trị Trung ương Đảng đã ra Nghị quyết về cách mạng miền Nam với chủ trương đấu tranh chính trị kết hợp với đấu tranh vũ trang.

Tháng 6-1958, Liên khu ủy V ra Nghị quyết về nhiệm vụ phát triển phong trào toàn khu V theo hướng mới. Nghị quyết nêu rõ: Xây dựng Tây Nguyên và miền núi các tỉnh thành căn cứ cách mạng. Bước đầu xây dựng lực lượng vũ trang và nửa vũ trang ở miền núi làm nhiệm vụ tự vệ, bảo vệ căn cứ, bảo vệ cán bộ...

Giữa năm 1958, Tỉnh ủy Gia Lai tổ chức Hội nghị mở rộng quán triệt tinh thần "*Đề cương cách mạng miền Nam*", Nghị quyết Bộ Chính trị và Khu ủy V, phân địa bàn thành 3 vùng: vùng xanh, vùng đỏ, vùng vàng (Vùng đỏ là vùng có cơ sở mạnh, vùng xanh là vùng ta có cơ sở, nhưng địch cũng lập được tề, vùng vàng là vùng địch kiểm soát, ta chưa có cơ sở) để chỉ đạo hoạt động.

Huyện 4, 5 triển khai Nghị quyết Tỉnh ủy, đề ra nhiệm vụ tiếp tục xây dựng vùng phía tây thành căn cứ hợp pháp, làm bàn đạp vững chắc cho cơ quan huyện đứng chân. Phát triển lực lượng tự vệ, du kích mật; củng cố cơ sở nòng cốt; lãnh đạo đẩy mạnh sản xuất, ổn định đời sống nhân dân; củng cố tổ chức đảng, đoàn thanh niên... Triệt để nắm chắc đối tượng, phân loại và tranh thủ tề ngụy để có biện pháp xử lý...

Tháng 1-1959, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 15 (khóa II) họp nhận định tình hình, đề ra nhiệm vụ của cách mạng miền Nam. Nghị quyết khẳng định: Ngoài con đường cách mạng, nhân dân miền Nam không có con đường nào khác để tự giải phóng khỏi xiềng xích nô lệ. Chỉ có thắng lợi của cách mạng mới chấm dứt cảnh cùng khổ của nhân dân miền Nam, mới triệt để làm thất bại mọi chính sách nô dịch, chia cắt và gây chiến của đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai ở miền Nam. Nghị quyết đã nêu rõ: "*Con đường phát triển cơ bản của cách mạng Việt Nam ở miền Nam là khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân. Theo tình hình cụ thể và yêu cầu hiện nay của cách mạng thì con đường đó là lấy sức mạnh của quần chúng, dựa vào lực lượng chính trị của quần chúng là chủ yếu, kết hợp với lực lượng vũ trang để đánh đổ quyền thống trị của đế quốc và phong kiến, dựng lên chính quyền cách mạng của nhân dân*"[16].

Nghị quyết 15 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng như luồng gió mới, thổi bùng lên ngọn lửa cách mạng của nhân dân toàn miền Nam, đáp ứng nhu cầu bức thiết và nguyện vọng của quần chúng, mở đầu cho cuộc đồng khởi của quần chúng vùng dậy diệt ác, phá kèm, giành quyền làm chủ một vùng nông thôn rộng lớn phía tây đường 14.

[16] Đảng cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, t. 20, tr. 82.

Tháng 8-1959, Tỉnh ủy Gia Lai triệu tập Hội nghị quán triệt Nghị quyết 15, đề ra nhiệm vụ lãnh đạo phong trào toàn tỉnh lên theo tinh thần Nghị quyết của Đảng.

Tháng 9-1959, các huyện 4, 5 tổ chức quán triệt tinh thần Nghị quyết 15 trong cán bộ, đảng viên. Cuối năm 1959, Nghị quyết 15 được phổ biến đến tận cơ sở. Cán bộ, đảng viên và nhân dân trong vùng vui mừng phấn khởi trước chủ trương của Đảng, thề đoàn kết cùng nhau đánh đuổi kẻ thù xâm lược giành độc lập tự do cho dân tộc.

Phong trào diệt ác trừ gian phát triển mạnh đã hạn chế các hoạt động của bọn tề ngụy cơ sở.

Để chuẩn bị xây dựng lực lượng vũ trang theo tinh thần Nghị quyết 15, tháng 9-1959, đoàn cán bộ chính trị, quân sự gồm 25 đồng chí do đồng chí Kpă Thìn (Bơhâm) dẫn đầu từ miền Bắc về đến căn cứ Hơnòng (huyện 1).

Ngày 23-10-1959, tỉnh Gia Lai thành lập 3 trung đội tập trung (mật danh là làng) trên cơ sở lực lượng địa phương tại chỗ: Trung đội 10 (huyện 1), trung đội 20 (huyện 2), trung đội 30 (huyện 7). Đầu năm 1960, thành lập trung đội 50 và 60 ở huyện 7, trung đội 40 ở huyện 2. Trung đội 40 sau chuyển cho Tiểu đoàn 50 của Quân khu. Các huyện lần lượt thành lập các tiểu đội, trung đội tập trung.

Ở huyện 4, đầu năm 1960, thành lập tiểu đội vũ trang tập trung tại phía tây làng Bek (xã B6, nay là xã Ia Hrung, huyện Ia Grai), gồm 9 chiến sĩ người địa phương, sau phát triển lên thành đại đội (C31-đại đội thiếu, chỉ có 2B), do đồng chí Nghi làm Đại đội trưởng, đồng chí Siu Lượng làm Đại đội phó. Ở huyện 5, đầu năm 1960, thành lập trung đội tập trung với 30 chiến sĩ do đồng chí Trần Khánh (Vượng) làm Trung đội trưởng. Lực lượng vũ trang các huyện được thành lập là bước phát triển mới của phong trào cách mạng địa phương cũng như trong toàn tỉnh.

Các xã và thôn làng của hai huyện cũng hình thành các tiểu đội dân quân du kích. Ở xã từ 5 đến 10 người, ở thôn làng từ 3 đến 6 người. Năm 1961, đội du kích xã E1 gồm có 15 người do Ksor Sin làm xã đội trưởng, đến năm 1964 Rahlan Huynh thay làm xã đội trưởng. Lực lượng thanh niên tham gia du kích phải được tuyển chọn, là những người dũng cảm, có lập trường tư tưởng chính trị vững vàng, có tinh thần tích cực tham gia các phong trào ở địa phương. Du kích các xã hoạt động mạnh, tích cực phối hợp chiến đấu chống địch, bảo vệ dân.

Hưởng ứng phong trào đồng khởi toàn miền Nam, Tỉnh ủy Gia Lai chủ trương phát triển thêm lực lượng chuẩn bị cho phong trào đồng khởi toàn tỉnh. Thanh niên các làng xã của huyện 4, huyện 5 hăng hái tình nguyện tham gia bộ đội, đi thoát ly làm cách mạng.

Ban cán sự hai huyện phát động phong trào ủng hộ nhân tài vật lực cho cách mạng. Đồng bào các làng xã tích cực tham gia đóng góp chinh chiêng, nồi đồng, ghè ché, trâu bò và lương thực nuôi quân, đi dân công phục vụ và bảo vệ hành lang, bảo vệ căn cứ.

Trước sự phát triển của phong trào cách mạng trong tỉnh, tháng 12-1959, tại Đak Hlôh (huyện 2), Tỉnh ủy Gia Lai mở Hội nghị đại biểu (được cấp trên chuẩn y như Đại hội), gồm 45 đại biểu được chỉ định từ các Đảng bộ địa phương và chi bộ trực thuộc. Hội nghị đã kiểm điểm sự lãnh đạo của Đảng bộ từ sau Hiệp định Giơnevơ (7-1954) đến cuối năm 1959 và đề ra nhiệm vụ tiếp tục thực hiện Nghị quyết 15 của Trung ương Đảng, bầu Ban chấp hành mới của Đảng bộ gồm 13 ủy viên (9 ủy viên chính thức và 3 ủy viên dự khuyết) do đồng chí Võ Trung Thành (Năm Vinh) làm Bí thư.

Tiếp thu tinh thần Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh, huyện 4, 5 đẩy mạnh các hoạt động đấu tranh chính trị, phát triển cơ sở chính trị vùng xung yếu, mở rộng căn cứ "*lõm*", củng cố và phát triển lực lượng vũ trang tập trung, du kích các làng xã hỗ trợ quần chúng đấu tranh chống càn quét, bảo vệ cơ sở, phong trào.

Trong năm này, phong trào cách mạng ở các tỉnh đồng bằng miền Trung phát triển, ảnh hưởng mạnh mẽ đến các tỉnh Tây nguyên. Tháng 1-1960, Liên khu ủy V chủ trương: Mạnh dạn phát động quần chúng ở căn cứ miền núi vũ trang chống địch càn quét; xây dựng lực lượng vũ trang tập trung, khẩn trương mở rộng xây dựng căn cứ miền núi.

Thực hiện Nghị quyết 15 của Đảng và chủ trương của Liên khu ủy V, đầu năm 1960, Tỉnh ủy Gia Lai đề ra phương châm kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang, tiếp tục đẩy mạnh diệt ác, phá kìm, mở rộng căn cứ liên hoàn của tỉnh từ huyện 1, 2 đến huyện 7, 8, mở rộng "căn cứ lõm" ở các huyện, trong đó có phía tây đường 14...

Tháng 9-1960, Thường vụ Liên khu ủy V chỉ thị mở đợt hoạt động, phát động quần chúng phá kìm kẹp, mở rộng căn cứ, phát triển cơ sở vùng giáp ranh, tập trung xây dựng lực lượng, mở rộng hành lang...

Tháng 10-1960, Tỉnh ủy quyết định phát động đợt đồng khởi ở phía đông tỉnh, tấn công địch, giành quyền làm chủ từng phần. Mở đầu là trận tấn công đêm 23-10-1960 vào cứ điểm Kannak (huyện 2)- một cứ điểm mạnh của địch được xây dựng kiên cố, nằm sâu trong vùng ta làm chủ được bảo vệ và canh giữ nghiêm ngặt. Chỉ trong vòng 30 phút tấn công quyết liệt, lực lượng của tỉnh và huyện 2 có sự phối hợp của du kích các làng xã huyện 2, đã tiêu diệt hoàn toàn cứ điểm, tạo điều kiện cho nhân dân các huyện phía đông tỉnh nổi dậy xóa bỏ tề ngụy, giành quyền làm chủ, thúc đẩy phong trào đấu tranh "hai chân ba mũi giáp công" các huyện phía tây đường 14 phát triển.

Tiếp đó, lực lượng vũ trang tỉnh chuyển lên hoạt động ở tây đường 14. Tháng 11-1960, lực lượng chủ lực tỉnh, có lực lượng đặc công làm nòng cốt và lực lượng vũ trang, dân quân du kích huyện 4, 5 đã phối hợp tấn công tiêu diệt quận Lệ Thanh, bắt sống và làm bị thương nhiều tên địch.

Ban cán sự huyện 45 (được sáp nhập giữa huyện 4 và huyện 5 năm 1960 do yêu cầu của tình hình địa phương)[17] nhanh chóng phát động quần chúng các

[17] Tháng 6-1961 chia tách ra thành hai huyện 4 và huyện 5 như cũ.

làng xã nổi dậy đốt cờ, ảnh Diệm, thẻ kiểm tra, xóa bỏ tề ngụy, giành quyền làm chủ một vùng nông thôn rộng lớn, nhưng vẫn giữ thế hợp pháp với địch.

Trong đợt đồng khởi, lực lượng vũ trang và du kích các làng xã huyện 45 đã phối hợp tổ chức diệt những tên tề, đại diện xã ác ôn, xóa bỏ tề ngụy, giành quyền làm chủ ở các làng. Ở xã B9, lực lượng ta phối hợp với quần chúng diệt tên ác ôn Năm (làng Đo) và tên Hyông (làng On). Quần chúng các làng của xã B8, B9, B10 (nay thuộc địa bàn huyện Đức Cơ) và B14 nổi dậy giành quyền làm chủ ở 40 làng với khoảng 15.000 dân, xóa bỏ tề ngụy, thành lập các ban tự quản, tích cực đấu tranh chống địch càn quét, sản xuất lương thực, ổn định đời sống.

Ở phía huyện 5, tại làng Sung Ia O ngày 4-11-1960, lính bảo an đồn Tân Lạc (quận Lệ Thanh) càn vào làng, phát hiện chiếc võng dù trong nhà một cơ sở của ta. Chúng bắt chủ nhà cùng một số dân làng đưa về đồn xét hỏi. Được sự lãnh đạo của Ban cán sự huyện 45, đồng bào đấu tranh buộc địch phải thả số người bị bắt. Hôm sau, chúng cho lính kéo vào làng, bắt dân , lúc này chủ yếu là phụ nữ, trẻ em, người gài và 4 thanh niên tập trung giữa làng để tiếp tục xét hỏi về cơ sở. Đã có sự hướng dẫn của cán bộ ta, chị em đã tập hợp thành ba nhóm, mỗi người mang một khúc cây để kê ngồi, chuẩn bị sẵn sàng đối phó với địch. Khi bọn lính bắt 4 thanh niên để đưa về đồn, dân làng nhất loạt vùng dậy, giành giữ người. Địch nổ súng làm một cơ sở của ta bị thương. Lúc này, chị Rơcham Pan đã hô chị em xông vào bọn lính ghìm mũi súng xuống đất hoặc chĩa lên trời, rồi lấy cây củi đánh tới tấp vào đầu bọn lính làm cho chúng không kịp trở tay. Kết quả 6 tên lính bị diệt, 1 tên bị bắt, 2 tên chạy thoát, ta thu súng, dao găm, đạn dược và quân trang quân dụng.

Thắng lợi trận Sung Ia O (xã E6) đã ảnh hưởng lớn đến các làng xã trong vùng và lan rộng cả trong toàn tỉnh, có tác dụng thúc đẩy phong trào địa phương phát triển. Huyện đã phối hợp với xã tổ chức diệt 3 tên ác ôn là chánh tổng Sok (E7), chánh tổng Niêng (E10) và tên hội đồng Hinh (E10).

Ở các dinh điền, phát huy thắng lợi đồng khởi, lực lượng vũ trang tỉnh cùng các đội công tác huyện 45 vũ trang đột nhập dinh điền Lệ Kim (B9), Đức Khánh (B10) phát động quần chúng, rút một số cơ sở và thanh niên ra vùng căn cứ cách mạng.

Ở dinh điền Đức Hưng (B10), cùng với thời điểm ta tấn công quận lỵ Lệ Thanh, lực lượng ta đã đột nhập dinh điền, đốt trụ sở cơ quan khu dinh điền Pleiku II. Ở dinh điền Lệ Kim, trong tháng 11-1960, đại đội 1 của tỉnh cùng đội công tác huyện 45 đã cải trang đột nhập vào dinh điền giữa ban ngày để lấy súng của dân vệ, diệt một tên tại chỗ, binh lính hoảng loạn bỏ chạy, ta họp dân giáo dục, sau đó rút một số thanh niên và cơ sở ra ngoài bổ sung vào lực lượng bộ đội.

Phong trào Đồng khởi của quần chúng vùng tây đường 14 (có địa bàn huyện Đức Cơ) đã thu được thắng lợi lớn, giành quyền làm chủ một vùng nông thôn rộng lớn với nhiều mức độ khác nhau. Ban cán sự huyện 45 đã phát huy được lực lượng đông đảo quần chúng nổi dậy diệt ác phá kìm, giành quyền làm chủ, nhưng vẫn giữ được thế hợp pháp. Sau đồng khởi, huyện 45 trở thành vùng đấu tranh "hai chân, ba mũi giáp công" của tỉnh, phong trào quần chúng ngày

càng phát triển, cơ sở và lực lượng cách mạng được củng cố vững chắc. Thắng lợi phong trào Đồng khởi trên địa bàn góp phần quan trọng vào thắng lợi chung trong toàn tỉnh, từng bước làm thất bại chiến lược chiến tranh một phía của Mỹ-Diệm.

Tháng 11-1960, nhằm phát huy sức mạnh của quần chúng các dân tộc trong mặt trận đấu tranh chống kẻ thù, Liên khu ủy V chủ trương tổ chức Đại hội đoàn kết các dân tộc thiểu số miền Trung và Tây nguyên tại xã Đak Gleh (huyện 1), có cả đại biểu dân tộc Lào tham dự. Đại hội thành lập "Phong trào dân tộc tự trị Tây Nguyên", thông qua Chương trình hành động và ra lời kêu gọi đồng bảo các dân tộc đoàn kết cùng đấu tranh chống Mỹ- Diệm. Hình ảnh Chim Chèo bẻo được chọn làm biểu tượng của phong trào. Tại Đại hội, ông Ybih Alêô, trí thức người Ê Đê được bầu làm Chủ tịch, ông Rơchơm Briu (Grang) trí thức người Jrai làm Phó chủ tịch.

Ngày 20-12-1960, tại vùng giải phóng miền Đông Nam Bộ thuộc xã Tân Lập, huyện Châu Thành (nay là Tân Biên), tỉnh Tây Ninh, Đại hội đại biểu các giai cấp, đảng phái, dân tộc, tôn giáo và các giới trong toàn miền Nam thành lập Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam. Mặt trận đề ra chương trình hành động 10 điểm, kêu gọi quân dân miền Nam đứng lên đấu tranh chống kẻ thù xâm lược, giành độc lập cho dân tộc.

Giữa năm 1961, tại xã Krong, huyện 2 căn cứ của tỉnh, Mặt trận Dân tộc giải phóng tỉnh Gia Lai được thành lập, ra lời kêu gọi các tầng lớp nhân dân trong tỉnh hưởng ứng Cương lĩnh Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam, đấu tranh chống Mỹ - Diệm. Ông Đinh Túp (Bă Sát), dân tộc Bahnar được bầu làm Chủ tịch mặt trận. Ông Krung Tôlô Kơn (Siu Bôm) làm Phó chủ tịch, ông Đoàn Lý (Soa) làm Ủy viên thư ký, bà Hlơ là Ủy viên. Mặt trận dân tộc giải phóng tỉnh được thành lập đã thu hút các Hội giải phóng của các tầng lớp nhân dân trong tỉnh. Phong trào dân tộc tự trị sau này sáp nhập vào Mặt trận Dân tộc giải phóng.

Tháng 12-1961, Mặt trận Dân tộc giải phóng huyện 4[18] thành lập do ông Rahlan Thong, dân tộc Jrai, người làng Ngol Grong, xã B8 (nay là xã Ia Kriêng, huyện Đức Cơ) làm Chủ tịch; ông Tú (Sôi), dân tộc Jrai, người làng Yăng Sơr, xã B2 (nay là xã Ia Phí, huyện Chư Păh) làm Phó chủ tịch. Ở huyện 5, Mặt trận Dân tộc giải phóng huyện cũng được thành lập, có ông Rahlan Lem, người làng Djrao Mnú (E1-nay là xã Ia Pnôn, huyện Đức Cơ) làm Chủ tịch Mặt trận.

Mặt trận Dân tộc giải phóng các huyện được thành lập, cùng với các tổ chức đoàn thể thanh niên giải phóng, phụ nữ giải phóng đẩy mạnh hoạt động tuyên truyền động viên tích cực tham gia các phong trào thi đua sản xuất, bảo vệ căn cứ, thôn làng, đấu tranh chống địch.

III- ĐẤU TRANH CHỐNG QUỐC SÁCH DỒN DÂN LẬP ẤP CHIẾN LƯỢC, MỞ RỘNG VÙNG GIẢI PHÓNG, GÓP PHẦN ĐÁNH BẠI CHIẾN LƯỢC "CHIẾN TRANH ĐẶC BIỆT" CỦA MỸ - NGỤY (1961-1965)

[18] Tháng 6-1961 tách huyện 45 thành hai huyện 4 và 5 như cũ.

Phong trào Đồng khởi đã đưa cách mạng miền Nam từ khởi nghĩa từng phần sang chiến tranh cách mạng. Chiến lược chiến tranh một phía của Mỹ bị phá sản, buộc chuyển sang chiến lược chiến tranh mới để cứu vãn tình thế.

"Chiến tranh đặc biệt" là hình thức đặc thù của chủ nghĩa thực dân mới của Mỹ, trong đó lực lượng chính là ngụy quân, ngụy quyền Sài Gòn, được Mỹ tổ chức nuôi dưỡng, huấn luyện, trang bị vũ khí và trực tiếp chỉ huy. Kế hoạch Xtalây -Taylo với quốc sách "Ấp chiến lược" được coi là xương sống của kế hoạch với ba biện Pháp chủ yếu nhằm bình định miền Nam trong vòng 18 tháng.

Thực hiện "Chiến tranh đặc biệt" trên địa bàn Gia Lai, Mỹ lập vùng chiến thuật do tướng ngụy cầm đầu cả về chính trị và quân sự. Bộ Tư lệnh vùng II chiến thuật và Quân đoàn III ngụy đóng tại Pleiku; đồng thời đẩy mạnh các hoạt động viện trợ quân sự để yểm trở quân ngụy.

Trên địa bàn huyện 4, 5 (vùng Đức Cơ), Mỹ-Diệm củng cố các đồn làng Yit (đồn Tầm), trung tâm huấn luyện biệt kích Plei Me (huyện 5), trung tâm huấn luyện biệt kích Morông Yố, cứ điểm Chư Ngheh (huyện 4), đẩy mạnh càn quét, dồn dân lập ấp chiến lược...

Ngày 24-1-1961, Bộ Chính trị Trung ương Đảng (khóa III) họp đánh giá tình hình toàn miền Nam sau đồng khởi và ra Chỉ thị về phương hướng, nhiệm vụ công tác trước mắt của cách mạng miền Nam. Chỉ thị nêu rõ phương châm công tác và đấu tranh trong thời kỳ mới là: "*Đẩy mạnh hơn nữa đấu tranh chính trị, đồng thời đẩy mạnh đấu tranh vũ trang lên song song với đấu tranh chính trị, tấn công địch bằng cả hai mặt chính trị và quân sự*"[19].

Tháng 2-1961, Tỉnh ủy tổ chức Hội nghị mở rộng chủ trương: Xây dựng lực lượng chính trị, vũ trang từ tỉnh đến các huyện, phát triển cơ sở ở đô thị, vùng Kinh, dinh điền. Vận dụng phương châm đấu tranh "hai chân, ba mũi giáp công" (chính trị, quân sự, binh vận); xây dựng căn cứ địa, củng cố, mở rộng vùng giải phóng... đẩy mạnh chiến tranh du kích địa phương để tấn công và nổi dậy phá kìm kẹp, chống, phá kế hoạch dồn dân lập ấp chiến lược của địch.

Huyện 4, 5 triển khai nhiệm vụ, tập trung lãnh đạo quần chúng đấu tranh chống dồn dân, lập ấp chiến lược; tăng cường cán bộ bám làng bám dân lãnh đạo đấu tranh, đẩy mạnh đấu tranh chính trị có vũ trang hỗ trợ, làm thất bại âm mưu dồn dân lập ấp chiến lược của địch...

Trên địa bàn Gia Lai, từ năm 1961-1962, địch đẩy nhanh tốc độ dồn dân lập ấp chiến lược, ban đầu tập trung ở địa bàn huyện 8, sau lan rộng khắp vùng nông thôn đồng bào dân tộc đến vùng Kinh, dinh điền ở các huyện. Mức độ dồn dân và số lượng các làng bị dồn tăng nhanh chóng. Từ cuối năm 1961, địch mới dồn được dân của 8 làng đồng bào dân tộc để lập ấp, đến năm 1963, tăng lên 230 ấp, 511 làng và 80.772 dân.

"Ấp chiến lược" thực chất là sự tiếp tục chính sách dinh điền và "khu trù mật" của Mỹ-Ngụy bị thất bại trong chiến tranh một phía, là phương thức chống phá kiểu mới trong chiến lược "Chiến tranh đặc biệt", với mục đích "tát cạn nước để bắt cá" nhằm tách lực lượng cách mạng ra khỏi quần chúng.

---

[19] Đảng cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, t.22, tr 158.

Từ cuối năm 1961, địch tăng cường các cuộc càn quét, đánh phá vùng căn cứ, vùng ta làm chủ, dồn dân tại chỗ bắt rào làng ở gần cứ điểm, đồn bốt địch để dễ kiểm soát. Các làng ở xa, chúng dồn về gần đường giao thông, gần đồn bốt để lập ấp. Các ấp đều có hàng rào bao quanh, dưới sự kiểm soát chặt chẽ của binh lính bảo an, dân vệ.

Trên địa bàn huyện 4, địch tiến hành dồn dân lập 8 khu dồn, mỗi khu từ 3 đến 13 làng.

Ở vùng Đức Cơ ngày nay, từ đầu năm 1961, sau khi xây dựng ấp chiến lược thí điểm tại dinh điền Sùng Lễ (xã B11, còn gọi là ấp Tân sinh), Mỹ - Ngụy tiến hành rào làng lập ấp tại dinh điền Lệ Kim. Các dinh điền trở thành những ấp chiến lược kiên cố của địch.

Ở vùng nông thôn đồng bào dân tộc huyện 4, địch lập khu dồn làng Dơk và khu dồn làng Roch Lang thuộc xã B9 (nay là xã Ia Dơk, huyện Đức Cơ) với 3.000 dân.

Đến năm 1965, chúng lập khu dồn làng Yit gồm 3 làng Neh thuộc xã B8 (nay là xã Ia Kriêng, huyện Đức Cơ) với 1.500 dân, nằm trên đường 19 kéo dài cùng với dồn dân các làng Yit Tũ, Yit Phang, Yit Prông, Yit Yeh, Ngol Le của xã E3 (huyện 5- nay là xã Ia Lang và Ia Din, huyện Đức Cơ) gần trung tâm huấn luyện biệt kích (còn gọi là đồn Tầm trên địa bàn xã E3).

Phía huyện 5, địch lập khu dồn Đức Cơ gắn với trung tâm huấn luyện biệt kích Đức Cơ, gồm 3 làng Mok (Mok Đeng, Mok Trêl, Mok Trang), Mnú, Djrao Chan (nay thuộc xã Ia Dom, huyện Đức Cơ).

Để dồn dân lập ấp, liên tiếp trong các năm từ cuối 1960 đến 1965, địch tăng cường càn quét, bắn phá các làng, truy lùng giết hại cán bộ vùng nông thôn nhằm đẩy người dân trong vùng vào sống trong các khu dồn, ấp chiến lược.

Tháng 8-1960, tại huyện 4, một trung đội biệt kích do tên Hyah cầm đầu đã ập vào làng Krêl, xã B8 để truy lùng anh Sơn, chi ủy viên xã B8. Tối đó anh Sơn không có nhà, chỉ có vợ anh đang cho con bú ở nhà. Bọn lính đã xả súng giết hại chị, trong lúc con nhỏ đang ngậm vú mẹ.

Ở xã E1, ngày 19-8-1961, dân làng Bua tổ chức kỷ niệm cách mạng tháng Tám. Mít tinh được tổ chức từ 7h-8h tối, đốt lửa tại nhà rông, có ông Ngọc (người miền Bắc) và ông Thu (đồng bào Jrai gọi là Phiar, hy sinh năm 1962 cùng với ông Blưm tại làng Tung-Lệ Phong 2 (Đức Vinh, xã E1) vào tổ chức cho dân làng. Trong buổi lễ, dân làng hô khẩu hiệu "đả đảo đế quốc Mỹ', "Kỷ niệm cách mạng tháng Tám không bao giờ quên" và đánh chiêng trống vang dậy. Đây là năm đầu tiên sau đồng khởi, dân các làng tổ chức mít tinh kỷ niệm Cách mạng tháng Tám.

Sáng hôm sau (20-8), một trung đội lính từ đồn Lệ Thanh càn vào đốt làng, giết 5 người là du kích, dân làng phải chạy lánh vào rừng. Ngày hôm sau (21-8) địch tiếp tục truy kích dân làng, giết thêm 5 người, trong đó có 2 cán bộ xã là Siu Blôi và Siu Hyang. Lực lượng du kích xã gồm một trung đội thiếu (20 người), trang bị tên tẩm thuốc độc phục kích chặn đánh địch tại cầu suối Ia Le, giết chết 1 tên địch, tiếp đó vòng ra sau chặn đánh đường rút quân của địch rồi

rút vào rừng. Trước khi rút chạy, địch cắt đầu Siu Blôi đem về quận Lệ Thanh để uy hiếp quần chúng. Hôm sau du kích tổ chức chôn cất những người bị địch giết hại.

Những làng khác như làng Sơn, làng Ba, Tung cũng tổ chức kỷ niệm ngày Cách mạng tháng Tám, nhưng địch chỉ tập trung càn vào làng Bua, vì làng có nhiều cán bộ, cơ sở hoạt động. Sau trận này, tất cả các làng của xã đều chạy vào rừng. Cuối năm 1961, dân các làng của xã E1và một nửa số làng của xã E2 rút vào rừng tránh địch khủng bố. Các làng ở gần nhau. Cán bộ xã E2 lúc đó phần đông ở xã E1 sang. Mỗi xã tổ chức 30 dân quân du kích. Mỗi thôn có từ 40-50 người. Du kích các làng xã đẩy mạnh các hoạt động chống địch càn quét, bảo vệ dân.

Tháng 8-1962, tại địa điểm phía bắc làng Ngol Grong (B8) khi đội công tác dinh điền của huyện 4 đang họp thì một đại đội bảo an quận Lệ Thanh và dân vệ dinh điền Thanh Giáo càn ra đánh úp làm ba người bị thương, hai người hy sinh, trong đó có đồng chí Klu, người làng Dơk Klah (B9- nay là xã Ia Dơk). Địch chặt đầu hai đồng chí đem bêu giữa đoạn đường 19 từ làng Ngol Grong đi dinh điền Thanh Giáo nhằm uy hiếp quần chúng trong vùng.

Trong những năm này, địch liên tiếp càn quét, đánh phá các làng của huyện 4. Làng Roch Lang (xã B9-Ia Dơk) bị địch đốt phá tới 12 lần nhưng đồng bào vẫn kiên quyết bám giữ làng, không chịu vào khu dồn.

Năm 1964, một toán lính đi càn đã bắt 8 người dân làng Roch Lang (B9) đang trên đường đi làm từ rẫy trở về, xếp thành hàng rồi xả súng bắn chết tại chỗ.

Xác định cuộc đấu tranh chống dồn dân lập ấp đầy gay go, quyết liệt, Ban cán sự hai huyện 4, 5 tập trung chỉ đạo các đội công tác đẩy mạnh công tác tuyên truyền vận động, hướng dẫn quần chúng đấu tranh chống địch càn quét dồn dân với khẩu hiệu "một tấc không đi, một ly không rời", vận dụng linh hoạt phương châm "hai chân, ba mũi giáp công" để đấu tranh phá âm mưu dồn dân lập ấp của địch; các lực lượng vũ trang tăng cường hoạt động tấn công tiêu diệt địch để hỗ trợ quần chúng nổi dậy phá ấp, phá kìm kẹp, trở về làng cũ.

Quần chúng được tuyên truyền vận động và hướng dẫn chủ động cất giấu tài sản ngoài rừng không đưa vào khu dồn khi bị địch dồn ép. Hai huyện chủ trương rút lực lượng thanh niên và cơ sở nòng cốt ra rừng, tránh địch dồn vào ấp, triệt để tranh thủ các già làng trong các cuộc đấu tranh trực diện chống địch dồn dân. Ngoài ra, còn chủ động phương án, đưa cốt cán theo dân vào khu dồn khi bị địch dồn, để lãnh đạo quần chúng đấu tranh phá khu dồn.

Được sự hướng dẫn của ta, đồng bào các làng xã của hai huyện 4, 5 đã kiên quyết đấu tranh với mọi hình thức, không chịu dỡ nhà, hoặc bỏ trốn vào rừng. Khi bị địch dồn phải vào sống trong ấp, đồng bào đấu tranh không chịu làm nhà mới, đòi trở về làng cũ, đòi tự do đi lại sản xuất... Ở các làng Dơk Sung, Dơk Ngol, Dơk Klah, Dơk Lut (xã B9), khi địch ép buộc đồng bào phá bỏ 2 ha rừng non để lập khu dồn, hàng trăm người dân các làng đã kéo ra đấu tranh không cho lính chặt cây, cày ủi đất. Địch uy hiếp đồng bào, chị em phụ nữ các

làng đã bồng bế con xáp vào, tranh thủ vận động, thuyết phục, buộc bọn lính phải rút về đồn, không uy hiếp dân làng nữa.

Năm 1961, cán bộ ta vận động dân các làng của xã E1 chuyển vào hậu cứ, (phía đông xã, giáp Ia Puch) để chống địch dồn dân lập ấp, chỉ để lại làng Chan sống hợp pháp.

Trong đấu tranh binh vận, chị em phụ nữ có vai trò rất to lớn, tranh thủ, thuyết phục binh lính người dân tộc địa phương đồng tình, ủng hộ các cuộc đấu tranh của đồng bào. Ở làng Sung Le (B10- xã Ia Dom ngày nay) có chị Khui, là cán bộ phụ nữ, thường xuyên dùng tiếng hát để vận động binh lính những khi chúng càn vào làng. Chị còn thường xuyên vào đồn Lệ Thanh, làm quen với lính người địa phương, hát những bài về quê hương đất nước, từ đó cảm hóa vận động được nhiều binh lính bỏ ngũ trở về làng. Chị H'Ba làng Yit Prông (E3- nay thuộc xã Ia Lang và Ia Din, huyện Đức Cơ) đã tranh thủ, cảm hóa binh lính đồn Yit Prông thu được 7 khẩu súng và thuyết phục lính người địa phương không bắn súng vào dân làng, bỏ ngũ trở về với gia đình.

Để lãnh đạo phong trào dinh điền, chống địch dồn dân lập ấp, tháng 6-1962, tỉnh thành lập Ban cán sự khu 10 (khu dinh điền), chuyên trách công tác xây dựng phong trào trong các dinh điền trên địa bàn huyện 4 và huyện 5, do đồng chí Ngô Thành (Chinh), Tỉnh ủy viên làm Bí thư. Đến tháng 4-1964, do yêu cầu của tình hình, Ban cán sự khu 10 dinh điền giải thể, sáp nhập về hai đội công tác của huyện 4, 5, chịu dưới sự chỉ đạo trực tiếp của cấp ủy hai huyện.

Trong những năm địch thực hiện dồn dân lập ấp, cùng với nhân dân huyện 4, 5, ở địa bàn huyện Đức Cơ ngày nay liên tiếp diễn ra các cuộc đấu tranh của đồng bào các làng xã chống địch dồn dân lập ấp chiến lược. Các cuộc đấu tranh diễn ra quyết liệt, ở thế giằng co dai dẳng giữa ta và địch. Địch dồn dân, ta lãnh đạo quần chúng phá. Địch lập ấp trở lại, quần chúng bên trong có sự hỗ trợ của lực lượng vũ trang bên ngoài nổi dậy phá khi thời cơ. Có ấp phá đi phá lại nhiều lần, gây khó khăn cho địch trong việc lập ấp.

Từ năm 1961- 1962, để chống địch dồn dân lập ấp, hơn 30 làng của huyện 5 đã lần lượt ra bất hợp pháp, tập trung là các làng phía tây của xã E1 (nay là xã Ia Pnôn), E2 (nay là xã Ia Kriêng) và các xã E4, E6, E7...

Huyện 4, 5 lãnh đạo quần chúng kết hợp "hai chân, ba mũi giáp công", đấu tranh chống địch dồn dân, nổi dậy phá kìm kẹp, phá ấp chiến lược, giành quyền làm chủ, đưa dân về làng cũ.

Lực lượng vũ trang địa phương cùng các đội công tác cơ sở phối hợp với lực lượng vũ trang tỉnh và Quân khu đẩy mạnh các hoạt động vũ trang tấn công địch, hỗ trợ quần chúng nổi dậy phá ấp chiến lược, phá khu dồn, giải phóng dân. Cùng với phong trào chống dồn dân lập ấp, trên địa bàn hai huyện phong trào chiến tranh du kích cũng phát triển mạnh mẽ, góp phần thúc đẩy phong trào địa phương ngày càng đi lên.

Mùa hè năm 1961, lực lượng du kích xã E1 do Rơchâm Thứ chỉ huy, diệt 1 tên Brỗ, người làng Chan, chỉ điểm cho địch và bắt 7 tên tề ác ôn đưa đi giáo dục rồi tha về.

Cũng trong năm 1961, du kích xã E1 do Rơchâm Thứ chỉ huy phục kích diệt 3 tên thám báo, gián điệp, 1 tên ác ôn ở làng Bò. Cuối năm 1961, du kích xã E1 diệt tiếp tên Yom làm điệp báo và tên Blen, ác ôn trong làng.

Khoảng tháng 6, 7-1961, tại xã E1 (Ia Pnôn), một toán lính địch đi càn, bắn giết 2 cán bộ làm công tác dân vận của huyện 5 tại làng Tung, (một cán bộ Kinh tên Thu và một cán bộ người địa phương tên Blung). Lực lượng bộ đội huyện 5 phối hợp với du kích xã E1 đã tổ chức đánh toán lính, diệt 2 tên tại cầu Ia Pnôn, trừng trị tên chỉ điểm làng Tung, thu 1 khẩu súng.

Sau gần hai năm lãnh đạo đấu tranh chống dồn dân lập ấp, tháng 2-1962, Tỉnh ủy tổ chức Hội nghị tổng kết kinh nghiệm chống, phá ấp chiến lược. Qua đánh giá kết quả đấu tranh chống phá ấp, hội nghị kết luận: Không nặng dùng lực lượng quân sự, mà vận động cơ sở quần chúng trong ấp giác ngộ đứng lên phá từ bên trong. Phá ấp chiến lược là kết quả của phong trào nổi dậy của quần chúng từ bên trong các ấp chiến lược, kết hợp với công tác binh tề vận. Hội nghị chủ trương phát động đợt phá ấp chiến lược trên qui mô toàn tỉnh.

Đại hội Đảng bộ huyện 4 lần thứ nhất:

Tháng 6-1962, tại vùng giáp ranh giữa làng Bek và làng Chăm, (xã B6), Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện 4 lần thứ nhất được tổ chức nhằm đánh giá tình hình phát triển của phong trào cách mạng từ sau hiệp định Giơnevơ đến đồng khởi 1960-1961, đề ra nhiệm vụ tiếp tục củng cố cơ sở, xây dựng thực lực chính trị, quân sự, binh vận; vận dụng phương châm đấu tranh "hai chân, ba mũi giáp công" liên tục tấn công địch, nổi dậy phá kìm kẹp, phá kế hoạch gom dân lập ấp chiến lược của địch, mở rộng vùng giải phóng; động viên quần chúng đoàn kết đấu tranh đánh bại chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" của đế quốc Mỹ. Đại hội đã bầu Ban chấp hành gồm 11 đồng chí, đồng chí Nguyễn Long (Thứ) làm Bí thư, đồng chí Lê Văn Thiệt (Mẫn) làm Phó bí thư. Các đồng chí Võ Đệ (Hồng), Đặng Công Kha (Chí), Thong (Ên) là Ủy viên Thường vụ huyện.

Đại hội Đảng bộ huyện 5 lần thứ nhất:

Ở huyện 5, tháng 3-1962, Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ nhất tổ chức tại làng Gông Kreh (E6). Đại hội đánh giá sự lãnh đạo của Đảng bộ đối với phong trào địa phương từ sau ký Hiệp định Giơnevơ, đề ra nhiệm vụ tiếp tục lãnh đạo quần chúng đấu tranh chống âm mưu dồn dân lập ấp chiến lược của địch; đẩy mạnh đấu tranh chính trị kết hợp với đấu tranh vũ trang, binh vận tấn công tiêu diệt địch, phá kìm kẹp, giải phóng dân; phá khu dồn, ấp chiến lược, mở rộng vùng giải phóng, giữ vững vùng căn cứ; phát động quần chúng đẩy mạnh sản xuất; tăng cường xây dựng tổ chức Đảng, đoàn thể giải phóng... Đại hội bầu Ban Chấp hành gồm 12 đồng chí, đồng chí Nguyễn Văn (Cang) được bầu làm Bí thư, đồng chí Huỳnh Thăng (Hinh) làm Phó bí thư.

Sau Đại hội, Nghị quyết được triển khai đến cán bộ, đảng viên và quần chúng. Phong trào đấu tranh "hai chân, ba mũi giáp công" trên địa bàn hai huyện phát triển. Đảng bộ hai huyện đẩy mạnh công tác xây dựng cơ sở vùng dinh điền, vùng nông thôn đồng bào dân tộc.

Tháng 6-1962, tỉnh thành lập Ban cán sự dinh điền (Khu 10) do đồng chí Ngô Thành (Chinh) làm Bí thư, đồng chí Đặng Minh Châu (Xiêng) và Trần Châu (Đức) làm ủy viên.

Các đội công tác tăng cường tuyên truyền vận động quần chúng trong dinh điền, móc nối gây dựng cơ sở. Do vậy, đến năm 1964-1965, huyện 4 đã xây dựng được cơ sở ở 6 /10 dinh điền trên địa bàn. Dinh điền Lệ Kim (Ia Pi) có 10 cơ sở, 1 công an thôn.

Ở huyện 5, các dinh điền Lệ Phong I, Lệ Phong II cũng đã xây dựng được cơ sở, trong đó dinh điền Lệ Phong I có cơ sở mạnh và nắm được nhiều quần chúng tốt.

Trong năm 1962, huyện đội và ban an ninh huyện 4, huyện 5 được thành lập, đẩy mạnh củng cố lực lượng dân quân du kích và phát triển xã đội, an ninh xã thôn. Lực lượng vũ trang địa phương đẩy mạnh các hoạt động đấu tranh vũ trang hỗ trợ đấu tranh chính trị và binh vận chống dồn dân lập ấp chiến lược.

Trong đợt phá ấp chiến lược giành quyền làm chủ năm 1963, huyện 4 đã tập trung chỉ đạo các lực lượng hỗ trợ quần chúng nổi dậy phá thành công nhiều ấp chiến lược trên địa bàn.

Trong năm 1963, dưới sự chỉ đạo trực tiếp của đồng chí Nguyễn Long (Thứ), Bí thư huyện 4, lực lượng vũ trang và du kích các làng xã huyện 4 phối hợp với lực lượng vũ trang của tỉnh tiến công phá khu dồn làng Dơk gồm các làng Dơk Ngol, Dơk Klah, Dơk Sung, Dơk Lut, Khơ Phung, Roch Lang, Roch Bong, Roch Ge, Roch Do (xã B9) và các làng Ngol Grong, Krêl, Krol, Neh Dơk, Neh Lang (xã B8). Với sự hỗ trợ của lực lượng vũ trang bên ngoài, quần chúng trong khu dồn đã nổi dậy đốt phá ấp, vô hiệu hóa tề ngụy, giải phóng 3.000 dân trở về làng cũ.

Phong trào đấu tranh chống phá ấp chiến lược của nhân dân huyện 4, 5 (có địa bàn huyện Đức Cơ ngày nay) đã góp phần làm thất bại âm mưu dồn dân lập ấp của Mỹ- ngụy trên địa bàn.

Năm 1963, Ủy ban Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam phát động phong trào "Thi đua Ấp Bắc, giết giặc lập công". Các huyện 4, 5 hưởng ứng và phát động phong trào trong toàn huyện.

Phía huyện 4, ngày 2-1-1963, Đại đội đặc công tỉnh và Tiểu đoàn đặc công 407 của Quân khu có sự phối hợp của bộ đội địa phương, du kích tấn công, tiêu diệt trung tâm huấn luyện biệt kích Plei Morông. Quần chúng trong các khu dồn, ấp chiến lược nổi dậy phá hệ thống kìm kẹp của địch, vận động lính bảo an người địa phương ở đồn Đức Cơ, Chư Ngeh, bỏ ngũ trở về với dân làng.

Giữa năm 1963, trước cao trào nổi dậy giải phóng nông thôn của nhân dân toàn miền Nam đã đẩy chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" của Mỹ từng bước phá sản. Kế hoạch Xtalây-taylo thất bại. Ngày 1-11-1963, Mỹ đảo chính lật đổ Ngô Đình Diệm, đưa Dương Văn Minh, rồi Nguyễn Khánh lên thay, tiếp tục thực hiện dồn dân lập ấp chiến lược với mức độ ác liệt hơn nhằm bình định miền Nam trong vòng hai năm 1964-1965.

Thực hiện chiến lược, Mỹ-ngụy đẩy mạnh phát triển lực lượng, càn quét các vùng trọng điểm để dồn dân, củng cố các ấp đã bị ta phá rã, lập các ấp mới, đánh phá mạnh vùng căn cứ, vùng giải phóng.

Trên địa bàn huyện 4, huyện 5, địch ra sức củng cố tề ngụy cơ sở, mở rộng thế kìm kẹp, tăng cường bắt lính, đôn quân, mở rộng trung tâm, cứ điểm huấn luyện biệt kích, đổ quân cắm chốt ở Plei Me, Đức Cơ, Plei Jrăng, Plei Morông để kiểm soát vùng hành lang và căn cứ của ta; tăng cường kiểm soát đường 19, đánh phá cơ sở vùng ta.

Tháng 12-1963, Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương Đảng xác định nhiệm vụ trước mắt là: làm thất bại âm mưu gom dân lập ấp chiến lược của địch, tiêu diệt, tiêu hao sinh lực địch, phá ấp chiến lược song song với chiến tranh du kích, xây dựng lực lượng vũ trang.

Cuối tháng 1-1964, Tỉnh ủy tổ chức Hội nghị mở rộng chủ trương củng cố, phát triển lực lượng chính trị, quân sự, đẩy mạnh cao trào tiến công và nổi dậy, kết hợp đấu tranh binh vận phá rã ấp chiến lược của địch, mở rộng vùng giải phóng, xây dựng Đảng vững mạnh về mọi mặt...

Ngày 1-5-1964, Mặt trận Tây Nguyên (B3) thành lập, hoạt động chủ yếu trên địa bàn các tỉnh Gia Lai, Kon Tum, Đăk Lăk với nhiệm vụ xây dựng Tây Nguyên thành chiến trường tác chiến của quân chủ lực. Các hoạt động của quân chủ lực và sự hỗ trợ trực tiếp về mặt quân sự của mặt trận B3 trên chiến trường Gia Lai đã góp phần quan trọng tạo thế đứng vững chắc để phát triển cuộc chiến tranh nhân dân ở địa phương.

Phong trào tiến công nổi dậy phá ấp giành dân, tiêu hao sinh lực địch trong toàn tỉnh phát triển mạnh mẽ. Lực lượng vũ trang huyện 5 phối hợp với lực lượng vũ trang tỉnh trong 6 tháng liên tục tổ chức nhiều trận chống càn, tập kích khu dồn, trung tâm huấn luyện biệt kích, diệt hàng trăm tên địch, phá kìm kẹp, phá ấp chiến lược, dinh điền, giải phóng dân; đẩy mạnh đấu tranh "hai chân, ba mũi giáp công", chiến tranh du kích.

Du kích xã E3 (nay là Ia Lang, huyện Đức Cơ), cùng với E5 tiến hành nhiều đợt tấn công quân sự, hỗ trợ quần chúng nổi dậy phá ấp chiến lược. Tiêu biểu trong phong trào chiến tranh du kích có Siu Blêh, người Jrai, xã E3, sinh năm 1944, tham gia hoạt động trong đội du kích của xã năm 1963, thường xuyên cùng với đội du kích luyện tập và tổ chức đánh địch. Anh đã có nhiều thành tích trong chiến đấu, có danh hiệu "Người đi đầu trong phong trào tìm Mỹ mà đánh, tìm ngụy mà diệt". Với thành tích của mình, năm 1967 Siu Blêh được kết nạp vào Đảng, tiếp tục phụ trách đội du kích của xã E3. Trong một trận chiến đấu chống địch, anh đã anh dũng hy sinh. Ngày 22-12-1994, liệt sỹ Siu Blêh được Nhà nước truy tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

Để đối phó với âm mưu của địch, bộ đội huyện 4, 5 phối hợp với Liên đại đội 45 (tiểu đoàn thiếu) liên tục chặn đánh giao thông trên đường 19 kéo dài, tấn công tiêu diệt các đoàn xe quân sự địch ở Bàu Cạn, Thanh Bình, Đức Cơ, Mok Đeng, bắt sống nhiều binh lính địch.

Phong trào phá ấp chiến lược trên địa bàn huyện 4 phát triển mạnh mẽ. Bộ đội địa phương, du kích các làng xã tăng cường bám dân, bám ấp, xây dựng cơ sở nội tuyến trong khu dồn. Bằng nhiều hình thức sáng tạo, linh hoạt, quần chúng trong các ấp chiến lược, các khu dồn đã tự nổi dậy nhổ rào, phá ấp, uy hiếp dân vệ, phá thế kìm kẹp của địch, trở về làng cũ.

Huyện 4, 5 đẩy mạnh công tác binh địch vận, xây dựng cơ sở nội tuyến bên trong khu dồn, ấp chiến lược, đẩy mạnh phong trào đấu tranh chính trị của quần chúng chống khủng bố, chống lập ấp.

Cuối năm 1964, với sự kết hợp đấu tranh hai chân, ba mũi giáp công, ta đã phá được thế kìm kẹp của địch trong các khu dồn, ấp chiến lược trên địa bàn huyện 4, 5, mở rộng vùng giải phóng, giữ vững vùng căn cứ.

Các tổ công tác bám sát dinh điền xây dựng cơ sở nòng cốt, tuyên truyền chủ trương của Đảng, phát động quần chúng đấu tranh. Các dinh điền Lệ Kim, Đức Khánh (huyện 4), Lệ Phong II (huyện 5) cơ sở phát triển vững, phong trào đấu tranh phát triển.

Năm 1964, Ban cán sự khu 10 dinh điền, phụ trách dinh điền hai huyện 4, 5 có sự thay đổi, đồng chí Ngô Thành (Chinh) được rút về tỉnh công tác, còn lại hai đồng chí Trần Châu (Đức) và Đặng Minh Châu (Xiêng) phụ trách.

Đến tháng 4-1964, để phù hợp với tình hình, Ban cán sự khu 10 giải thể. Dinh điền trên địa bàn huyện nào, được giao về cho Ban cán sự huyện đó phụ trách. Cơ sở trong các dinh điền huyện 4, 5 vẫn tiếp tục hoạt động dưới sự chỉ đạo của hai huyện.

Phong trào đấu tranh phá ấp chiến lược của nhân dân hai huyện ngày càng phát triển mạnh mẽ. Phong trào đấu tranh chính trị kết hợp với đấu tranh binh vận được đẩy mạnh. Ảnh hưởng của phong trào trên địa bàn huyện đã tác động mạnh đến tinh thần binh lính. Ở đồn Plei Me, Đức Cơ, binh lính đã tuyệt thực nhiều lần để phản đối hành quân càn quét, phản đối chiến tranh. Nhiều binh lính đào rã ngũ, bỏ về quê, nhiều đơn vị bị bắt đi càn quét đã đem quân vào rừng đóng đủ ngày rồi trở về, hoặc đi càn nhưng không dám lùng sục sợ ta phục kích. Tinh thần binh lính hoang mang, dao động.

Năm 1964- 1965, Đảng bộ huyện 5 có sự thay đổi. Tháng 9-1964, đồng chí Nguyễn Văn (Cang), chuyển về tỉnh công tác, đồng chí Huỳnh Năng Thuận (Yơp) làm Bí thư.

Tháng 5-1965, đồng chí Huỳnh Năng Thuận được phân công nhiệm vụ khác, đồng chí Nguyễn Hùng (Lê Tam) làm Bí thư huyện 5.

Ở huyện 4, tháng 2-1963, đồng chí Nguyễn Long (Thứ) rút về tỉnh, đồng chí Lê Văn Thiệt (Mẫn) thay làm Bí thư.

Tháng 12-1964, Thường vụ khu ủy, Đảng ủy, Bộ Tư lệnh Quân khu V chủ trương mở đợt hoạt động xuân 1965 nhằm tiêu diệt một bộ phận chủ lực địch, phá tan các ấp chiến lược còn lại, giành đại bộ phận nông thôn.

Năm 1964, địch dồn dân các làng Ôp, Muk, Hrang về khu dồn làng Lung (E2 -xã Ia Kriêng). Địch càn vào đốt cháy các làng, để dồn dân về khu dồn. Đồng bào đấu tranh quyết liệt, không chịu bỏ làng, nhà cửa vào khu dồn. Để

khủng bố dân, địch giết người cầm đầu làng Lung. Năm 1965, có sự hỗ trợ của bộ đội huyện 5 và du kích xã E2, đồng bào khu dồn làng Lung nổi dậy đốt nhà, phá ấp, trở về làng cũ.

Tháng 1-1965, Hội nghị Tỉnh ủy động viên toàn quân dân trong tỉnh đẩy mạnh hoạt động quân sự, chính trị, binh vận, phá ấp, giành dân.

Triển khai nhiệm vụ, huyện 4, 5 phát động các lực lượng nổi dậy phá thế kìm kẹp trong các ấp chiến lược, dinh điền, giành quyền làm chủ. Lực lượng vũ trang địa phương chuẩn bị mọi mặt phối hợp hoạt động với bộ đội tỉnh, chủ lực quân khu. Phong trào diễn ra sôi nổi, rộng khắp.

Năm 1965, địch ráo riết lập ấp chiến lược trên địa bàn huyện 5. Tháng 5-1965, hàng ngàn quân Mỹ-Ngụy tập trung càn quét 3 tháng ròng rã để dồn xúc 10.000 quần chúng các xã từ E1 đến E8 (huyện 5) và các xã B7, B8, B9 (huyện 4) lập khu dồn làng Yit dọc hai bên đường 19 thuộc xã E3 (huyện 5, nay thuộc xã Ia Lang và Ia Din, huyện Đức Cơ). Địch đóng đồn Tầm ở sát khu dồn, tăng cường tề điệp, bảo an, dân vệ để kiểm soát dân. Ngoài cấp phát lương thực cho dân, chúng còn trang bị súng cho thanh niên để chống lại lực lượng ta đột nhập vào khu dồn.

Huyện 5 tập trung chỉ đạo quyết tâm phá khu dồn làng Yit. Cuối năm 1966, ta đã tổ chức phá hai lần nhưng không đạt kết quả, do tề ngụy nằm sâu trong dân, khống chế chặt chẽ, nên ta không đột nhập vào đưa dân ra được. Với quyết tâm cao, thực hiện "hai chân, ba mũi giáp công", phát triển cơ sở nội tuyến, làm tốt binh tề vận, đã tranh thủ và sử dụng được hai trung đội dân vệ gác cho quần chúng phá ấp, nên đến lần thứ ba, huyện 5 đã phá thành công khu dồn làng Yit.

Trong cao trào nổi dậy xuân-hè 1965, quân dân hai huyện đã phối hợp cùng với chủ lực tỉnh và Quân khu tấn công tiêu diệt địch trên các chiến trường, phá khu dồn, ấp chiến lược, giải phóng dân về làng cũ,

Tháng 7, 8-1965, lực lượng vũ trang huyện 5 phối hợp với chủ lực tỉnh tấn công Trung tâm huấn luyện biệt kích Đức Cơ. Chớp thời cơ, Đảng bộ huyện 4, 5 phát động quần chúng kéo vào đồn bốt, quận lỵ, vào thị xã đấu tranh đòi bồi thường nhân mạng, chống càn quét dồn dân, đòi chồng con bỏ ngũ.

Lực lượng vũ trang huyện 5 phối hợp với đội công tác dinh điền có sự hỗ trợ của đồng bào trong vùng đã đột nhập vào các dinh điền diệt ác ôn, dân vệ, thu vũ khí, giải tán tề, phát động nhân dân nổi dậy giành quyền làm chủ.

Hưởng ứng chiến dịch hè 1965, đêm 31-5-1965, tiểu đoàn đặc công 952 phối hợp với tiểu đoàn của Trung đoàn 320 đánh tiêu diệt chi khu quân sự và quận lỵ Lệ Thanh. Sau đó, liên đại đội của tỉnh phối hợp với Trung đoàn 320 (B3) phục kích đánh giao thông trên đường 19 tây - Thanh An, tiêu diệt một tiểu đoàn bảo an, bắt sống tên thiếu tá Lê Văn Cứ, tỉnh phó Pleiku và tên Vĩnh Hồ, đại úy tình báo ngụy cùng đoàn tùy tùng.

Nhân thắng lợi quân sự trên, lực lượng vũ trang và đội công tác huyện 4, 5 phát động quần chúng trong các dinh điền đứng lên giải phóng khỏi sự kìm kẹp của địch. Các dinh điền được giải phóng là Lệ Kim, Đức Khánh, Sùng Lễ

(huyện 4), Lệ Phong I, II, Thăng Đức, Đức Nghiệp, Thanh Giáo (huyện 5) thuộc địa bàn huyện Đức Cơ ngày nay. Ba tháng sau, địch chiếm lại các dinh điền được giải phóng, nhưng dân các dinh điền đó, một số chạy ra vùng giải phóng của ta, một số chạy về đồng bằng, một số chạy về Thanh An, Pleiku. Số còn bám trụ lại dinh điền, kể cả các dinh điền khác trong tỉnh đều bỏ vườn cây cao su. Chính sách dinh điền phát triển cây cao su của địch hoàn toàn thất bại.

Cùng với đấu tranh nổi dậy phá ấp chiến lược, ta đẩy mạnh công tác binh vận. Tại khu dồn làng YJit, đội công tác và cơ sở ta đã vận động 2 trung đội bảo vệ cho 2.000 đồng bào nổi dậy phá khu dồn trở về làng cũ. Trong số binh lính, ta tranh thủ giác ngộ được Ksor Blêch, sau được bổ sung vào du kích xã E3 và đã hy sinh trong trận chiến đấu tại địa bàn huyện 5.

Với thắng lợi xuân - hè 1965, 4/5 đất đai và gần 60% dân số vùng nông thôn trên địa bàn toàn tỉnh được giải phóng. Ở huyện 4, huyện 5, vùng căn cứ được giữ vững, vùng giải phóng được mở rộng, toàn bộ hệ thống ấp chiến lược, khu dồn, một số dinh điền bị phá rã, lực lượng địch ở các đồn bốt, quận lỵ, vùng ven và nội thị bị uy hiếp.

IV- XÂY DỰNG VÙNG CĂN CỨ, VÙNG GIẢI PHÓNG, XÂY DỰNG ĐẢNG VÀ THỰC LỰC CHÍNH TRỊ, HUY ĐỘNG PHỤC VỤ KHÁNG CHIẾN

Song song với lãnh đạo đấu tranh chống dồn dân lập ấp, hai huyện 4, 5 tập trung đẩy mạnh công tác xây dựng căn cứ, vùng ta làm chủ, phong trào sản xuất, bố phòng đánh địch, xây dựng mặt trận, tổ chức đoàn thể giải phóng, các ban tự quản làng xã, hướng dẫn quần chúng sản xuất, ổn định đời sống. Tổ đổi công tổ hợp tác lao động sản xuất đẩy mạnh hoạt động nhằm tập hợp quần chúng trong lao động sản xuất và đấu tranh chống địch. Lực lượng du kích trong vùng căn cứ được xây dựng, củng cố làm nhiệm vụ bảo vệ, giữ gìn trật tự thôn làng.

Phong trào đóng góp sức người, sức của phục vụ kháng chiến trên địa bàn hai huyện phát triển. Nhân dân hăng hái tham gia đóng góp lương thực, nhân tài vật lực, đi dân công phục vụ chiến trường.

Trong phong trào ủng hộ kháng chiến, đồng bào hai huyện đã có sự đóng góp to lớn về sức người, sức của.

Để đáp ứng yêu cầu của huyện đề ra, đồng bào các làng xã của huyện 4, 5 tích cực ngày đêm giã gạo, vận chuyển vào kho lương thực của xã, của huyện.

Ở huyện 5, nhiều gia đình tiêu biểu trong phong trào ủng hộ cách mạng như gia đình ông Hreng, làng Yit; chị Beng làng Gao; Rơmah Mlớp, Siu Vân, Siu Blêch, Rơmah Hgơn, Rơmah Biêng, Rơmah Dạo... (xã E3 huyện 5, nay là xã Ia Lang, huyện Đức Cơ).

Ở huyện 4 có gia đình Siu Yom, làng Mok Đeng (B10, nay là xã Ia Dom, Đức Cơ) mỗi năm đóng góp 1 kho lúa (tương đương 1 tấn) cho cách mạng, ngoài ra còn ủng hộ 1 đôi chiêng la, chiêng ché...

Trong các dinh điền, ấp chiến lược, nhân dân cũng hăng hái tham gia đóng góp ủng hộ kháng chiến. Với tinh thần tất cả vì cách mạng, trong những

năm đầu chống Mỹ-ngụy, nhân dân huyện 4, 5 trên địa bàn đã động viên được hàng trăm tấn lúa gạo, hàng triệu bụi mì, đảm bảo lương thực cung cấp cho bộ đội và giải quyết một phần thiếu lương thực khi mất mùa trong nhân dân.

Phong trào văn hóa văn nghệ được cấp ủy hai huyện chú trọng. Phong trào học chữ, tiếng dân tộc, phổ thông được đẩy mạnh. Năm 1964, ở huyện 4, 5 và huyện 7 đã có 18 lớp bình dân học vụ với trên 500 người học. Ngoài thanh niên, cán bộ người địa phương cũng tích cực tham gia học chữ để công tác.

Ở huyện 4 có trường cấp I tổ chức bình dân học vụ cho cán bộ, nhân dân trong vùng căn cứ. Đến năm 1965, toàn huyện đã có 50% nam nữ thanh niên biết đọc, biết viết chữ tiếng phổ thông, dân tộc.

Phong trào văn nghệ trong các làng xã cũng được phát triển. Các làng xã đều hình thành đội văn nghệ thường xuyên biểu diễn phục vụ nhân dân trong vùng, cổ vũ tinh thần yêu nước tham gia phong trào đấu tranh chống địch, tích cực sản xuất của quần chúng.

Từ sau năm 1954 đến 1960, tỉnh chưa có tổ chức y tế. Trong số cán bộ ở lại của tỉnh chỉ có 3 y tá và 1 cứu thương đều là chiến sỹ của Trung đoàn 120. Trong đó có anh Võ Chiếu (Hiến) y tá, cán bộ ở lại huyện 4, Nguyễn Tích, cứu thương của huyện 5. Bộ phận y tế của tỉnh lúc đầu thuộc Ban kinh tài. Năm 1961, trên cơ sở một số y sỹ được Bộ y tế tăng cường cho tỉnh Gia Lai, bộ phận y tế tỉnh được tách ra, thành lập Ban y tế tỉnh với số lượng y, bác sỹ rất ít. Từ năm 1962, y tế các huyện mới được thành lập.

Trong những năm đầu chống Mỹ, mỗi cán bộ ở lại đều có một cuốn sổ ghi chép các loại lá cây rừng dùng để làm thuốc chữa các bệnh thông thường như cảm cúm, kiết lỵ. Khi thành lập trạm xá, bệnh xá huyện, nguồn thuốc của tỉnh được cung cấp từ miền Bắc đưa về Khu V và được phân về các địa phương rất hạn chế, nên thuốc nam được coi là một trong nguồn thuốc chủ lực để chữa trị theo phương pháp đông y. Cán bộ y tế có nhiệm vụ tuyên truyền, vận động nhân dân dùng thuốc nam để chữa bệnh và được tập huấn nghiệp vụ tại các lớp do tỉnh tổ chức. Ngoài khám chữa bệnh cho nhân dân trong vùng, y tế hai huyện còn tham gia phục vụ tiền phương, chăm sóc sức khỏe thương bệnh binh.

Công tác chăm sóc sức khỏe và phòng chống dịch bệnh được hai huyện rất quan tâm. Y tế huyện 4 lúc đầu do y tá Võ Chiếu (Hiến) đảm nhiệm. Năm 1962, Ban y tế huyện thành lập do y sỹ Thi Sang phụ trách. Sau này, hệ thống y tế xã được hình thành, đẩy mạnh công tác tuyên truyền vận động nhân dân phòng chống dịch bệnh, chăm sóc sức khỏe.

Ở huyện 5, bệnh xá huyện đóng tại khu vực xã E6, do bác sĩ Hoài Thanh (Phạm Đình Hòa) và đồng chí Thông, cán bộ quân sự phụ trách. Bệnh xá có khoảng 5-10 giường bệnh tích cực vận động thực hiện vệ sinh phòng bệnh, chăm sóc sức khỏe nhân dân. Qua tuyên truyền vận động, đồng bào làng xã đã từng bước giảm các hủ tục, dùng thuốc nam để chữa bệnh thông thường, khi đau ốm đến bệnh xá khám chữa bệnh. Xã E3 cùng với E6 được chọn là xã điểm thực hiện phong trào "ba sạch" của huyện 5 và được Y tế Liên khu V công nhận là xã

điển hình của y tế nông thôn miền núi và được tặng Huân chương giải phóng hạng ba tại Hội nghị thi đua của Ban Dân y Liên khu V cuối năm 1965.

Cấp ủy hai huyện rất chú trọng đến công tác xây dựng và bảo vệ hành lang. Từ năm 1955, tỉnh đã hình thành đường dây giao liên bí mật xuống các huyện. Năm 1961, đường hành lang Trung ương Bắc -Nam "CO7 Đông Bắc" được hình thành từ Kon Tum sang Gia Lai vào Đăk Lăk. Đầu năm 1962, ta mở hành lang "CO7 Tây Bắc" chạy dọc tuyến biên giới Campuchia, chạy qua địa bàn các xã E1, E4 và E6 vào Đăk Lăk. Đến giữa năm 1964, khi Mặt trận Tây nguyên (B3) được thành lập, đường dây này được chuyển thành binh trạm do B3 phụ trách.

Từ năm 1964-1965, tỉnh hình thành hai đường hành lang Đông Tây song song với quốc lộ 19 để đáp ứng nhu cầu phục vụ chiến trường. Hành lang CO9 nối với hành lang CO7 Tây Bắc chạy ngang qua địa bàn huyện 4, huyện 3 xuống trạm Trung ương tại Salam (khu căn cứ của tỉnh), tiếp giáp đường dây CO7 Đông Bắc, xuống Bình Định. Đường hành lang CO8 nối với đường dây CO7 Tây Bắc chạy về phía Đông huyện 5, huyện 6 và xuống huyện 7 về tỉnh Phú Yên. Ngoài hành lang Trung ương và của tỉnh, các huyện còn có hành lang nhân dân xuống các làng xã, mỗi xã có 1 tổ 3 người là cơ sở, cốt cán đảm nhiệm. Tuyến hành lang từ tỉnh đến huyện, xuống xã được giữ thông suốt. Nhân dân huyện 4, huyện 5 có đường hành lang đi qua tích cực tham gia công tác liên lạc, đưa công văn, giấy tờ, đưa đón cán bộ và tham gia dân công phục vụ và bảo vệ hành lang.

Ban an ninh huyện, xã tích cực làm tốt nhiệm vụ thanh khiết địa bàn, giữ gìn trật tự xã hội trong vùng căn cứ, vùng giải phóng, theo dõi thám báo, gián điệp, bảo vệ an toàn vùng ta.

Ở xã E1, Ban an ninh xã có 4 người, gồm Rơchăm Trom, phụ trách và Nhip, Siu Lin, Siu Pu. Công tác an ninh ở các làng của xã được đẩy mạnh. Làng Tung (E1 - Ia Nan) có 3 người tham gia, do Rơchăm Nhip phụ trách; các làng Boa, làng Lao Sing đều có 3 người tham gia an ninh.

Công tác xây dựng Đảng, phát triển đảng viên, củng cố tổ chức cơ sở Đảng tiếp tục được Đảng bộ hai huyện quan tâm đẩy mạnh.

Đến năm 1965, 14 xã huyện 4 đã có chi bộ với 300 đảng viên, ở các làng đều có đảng viên người dân tộc tại chỗ; cấp ủy là người địa phương.

Ở huyện 5, hầu hết các xã được thành lập chi bộ. Vùng phía tây (nay thuộc địa bàn huyện Đức Cơ) đã có chi bộ xã E1, E2, E3, E4. Riêng xã E7, công tác xây dựng Đảng phát triển rất mạnh, đã thành lập được chi bộ ở các làng. Đảng viên của hai huyện phát huy vai trò lãnh đạo quần chúng tham gia phong trào đấu tranh chống địch, lao động sản xuất, đóng góp sức ủng hộ cách mạng.

Chi bộ xã E1 từ năm 1960-1962 có 7 đảng viên, do Rơchăm Thứ (làng Chan) là Bí thư, Rơchăm Bút, Rơchăm Khunh, Rơchăm Hiet (làng Mok Đeng), Siu Nhol, Huch (làng Boa), Rahlan Hlep (làng Trung). Đến năm 1965, phát triển lên 20 đảng viên, do Rơmah Jă làm Bí thư.

Huyện 4, 5 chú trọng đào tạo cán bộ để nâng trình độ lý luận và nghiệp vụ phục vụ cho công tác tuyên truyền vận động quần chúng; thường xuyên cử cán bộ đi học các lớp do tỉnh mở. Cán bộ, đảng viên của hai huyện qua rèn luyện thử thách trong chiến tranh đã từng bước trưởng thành. Làm tốt công tác tuyên truyền, giáo dục, vận động và tập hợp quần chúng. Nhiều đồng chí sau này đã được phân công giữ chức vụ chủ chốt của huyện, tỉnh.

Năm 1965, thắng lợi trên chiến trường miền Nam đã làm thất bại từng bước âm mưu dồn dân lập ấp của Mỹ-ngụy. Trên địa bàn huyện 4, 5 (có địa bàn huyện Đức Cơ ngày nay) hàng loạt ấp chiến lược và dinh điền bị phá rã, một vùng nông thôn rộng lớn giải phóng, vùng giải phóng, vùng căn cứ của hai huyện được mở rộng, tạo thế an toàn cho đường hành lang dọc tuyến biên giới phía tây giáp Campuchia.

Những năm 1954-1965 là thời kỳ đấu tranh gian khổ và kiên cường của quân dân huyện 4 và huyện 5 (có địa bàn huyện Đức Cơ ngày nay). Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ hai huyện, nhân dân trong vùng đã vượt qua mọi khó khăn để củng cố lực lượng, xây dựng vùng căn cứ, vùng giải phóng tạo bàn đạp vững chắc để lãnh đạo phong trào; vận dụng linh hoạt phương châm đấu tranh "hai chân, ba mũi giáp công", tấn công và nổi dậy phá rã hàng loạt ấp chiến lược của địch, giữ vững được vùng làm chủ hợp pháp rộng lớn ở một vùng nông thôn đồng bào dân tộc phía tây đường 14. Cán bộ, đảng viên đã bám sát dân, bám làng, bám cơ sở để tuyên truyền, vận động quần chúng, xây dựng cơ sở, lãnh đạo đấu tranh chống địch, giữ vững và phát triển phong trào cách mạng ở địa phương.

Thắng lợi của nhân dân vùng Đức Cơ trong những năm 1954-1965 đã góp phần cùng với quân dân trong toàn tỉnh đánh bại chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" của đế quốc Mỹ, vững vàng bước tiếp vào thời kỳ đấu tranh chống các âm mưu thủ đoạn mới của đế quốc Mỹ.